

Số: 1343/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 02 năm 2025

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 02 năm 2025, cụ thể như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 02 năm 2025, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 38 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Các Nghị định của Chính phủ:

- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;
- Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;
- Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện;

5. Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt;

6. Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết;

7. Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;

8. Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

9. Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

10. Nghị định số 24/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí;

11. Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

12. Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

13. Nghị định số 27/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam;

14. Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

15. Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

16. Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025;

17. Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

18. Nghị định số 32/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

19. Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

20. Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

21. Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

22. Nghị định số 36/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

23. Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

24. Nghị định số 38/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

25. Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

26. Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

27. Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

28. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

29. Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

30. Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

31. Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

32. Nghị định số 46/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam;

33. Nghị định số 47/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam;

34. Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh;

35. Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý;

2. Quyết định số 04/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng;

3. Quyết định số 05/2025/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trên cơ sở thông tin do các bộ, cơ quan ngang bộ cung cấp¹, Bộ Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ

¹ **Bộ Tư pháp không nhận được văn bản cung cấp thông tin của 23 Nghị định, cụ thể như sau:**

- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (**Bộ Tài chính**);

- Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu (**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**);

- Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện (**Bộ Công thương**);

- Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt (**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**);

- Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (**Bộ Tài chính**);

- Nghị định số 21/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan (**Bộ Tài chính**);

- Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

yếu của 15 văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 02 năm 2025 như sau:

1. Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân

Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ (**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**);

- Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy (**Bộ Thông tin và Truyền thông**);

- Nghị định số 24/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí (**Bộ Công thương**);

- Nghị định số 27/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam (**Bộ Thông tin và Truyền thông**);

- Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao (**Bộ Ngoại giao**);

- Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính (**Bộ Tài chính**);

- Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 (**Bộ Lao động - Thương binh và xã hội**);

- Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh (**Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**);

- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng (**Bộ Xây dựng**);

- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**);

- Nghị định số 36/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ (**Văn phòng Chính phủ**);

- Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (**Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**);

- Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (**Bộ Lao động - Thương binh và xã hội**);

- Nghị định số 46/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam (**Bộ Thông tin và Truyền thông**);

- Nghị định số 47/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam (**Bộ Thông tin và Truyền thông**);

- Nghị định số 49/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh (**Bộ Tài chính**);

- Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (**Bộ Tài chính**).

quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 3 năm 2025.

Trường hợp dân quân còn đang phục vụ trong đơn vị dân quân thường trực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu chưa được đóng, hoặc đóng chưa đầy đủ bảo hiểm xã hội, thì địa phương có trách nhiệm đóng, truy đóng bảo hiểm xã hội cho dân quân thường trực theo quy định của Nghị định này, số tiền truy đóng bảo hiểm xã hội không phải tính lãi chậm đóng theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Dân quân thường trực vào viện điều trị trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng ra viện từ ngày Nghị định có hiệu lực thì được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong phạm vi được hưởng và mức hưởng theo quy định của Nghị định này.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ năm 2019, ngày 30/6/2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2020, trong đó, tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này quy định: “Định mức hưởng chế độ, chính sách của DQTV quy định tại Điều 7, 8, 11, 12, 13 và Điều 15 của Nghị định này được điều chỉnh trong trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở hoặc mức tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang”.

Thực hiện Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng (tăng thêm 20,8%, thực hiện từ ngày 01/7/2023).

Thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024 và Nghị quyết số

142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, theo đó, điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng (tăng thêm 30%, thực hiện từ ngày 01/7/2024)².

Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, các chế độ, chính sách trong đó có phụ cấp của Dân quân tự vệ thực hiện Nghị định số 72/2020/NĐ-CP, áp dụng theo mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ; sau gần 5 năm thực hiện Nghị định số 72/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DQTV đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu và hoạt động phối hợp của lực lượng DQTV, từng bước đưa Luật DQTV đi vào cuộc sống; tuy nhiên, một số quy định về chế độ, chính sách đối với DQTV đã bộc lộ vướng mắc, bất cập như sau:

Mức hưởng các chế độ, chính sách tại Nghị định số 72/2020/NĐ-CP quy định bằng mức tiền cụ thể tính theo hệ số nhân với mức lương cơ sở (1.490.000 đồng) quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể: Quy định mức tối thiểu trợ cấp ngày công lao động (NCLĐ) cho dân quân là 119.200đ (bằng mức lương cơ sở 1.490.000đ nhân với hệ số 0,08). Thực tế hiện nay địa phương bảo đảm từ 119.200đ đến 250.000đ/người/ngày (tính trung bình khoảng 208.000đ/người/ngày); trong khi đó mặt bằng thu nhập ngày công lao động phổ thông của địa phương khoảng từ 250.000đ đến 350.000đ/người/ngày. Mặt khác, mức trợ cấp đối với gia đình và phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ (HSQBS) dự bị động viên khi tập trung làm nhiệm vụ từ 262.000đ đến 280.100đ/người/ngày³ (tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/người/tháng) là thấp so với mặt bằng chung hiện nay nên việc trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 72/2020/NĐ-CP để điều chỉnh mức hưởng một số chế độ, chính sách đối với DQTV là cần thiết.

² Quyết định số 918/QĐ-TTg ngày 27/8/2024 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV về cải cách tiền lương. Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Kinh tế trung ương, các bộ, cơ quan liên quan đánh giá, sơ kết Nghị quyết số 27-NQ/TW cho phù hợp với thực tiễn để trình Trung ương xem xét, quyết định, thời gian hoàn thành trong năm 2026.

³ QNDB cấp bậc quân hàm binh nhì: (Trợ cấp gia đình 240.000đ/ngày) + (Phụ cấp quân hàm 596.000đ/26 ngày) = 262.000đ/ngày. QNDB có cấp bậc quân hàm thượng sĩ: (Trợ cấp gia đình 240.000đ/ngày) + (Phụ cấp quân hàm 1.043.000đ/26 ngày) = 280.100đ/ngày.

Từ những căn cứ trên, việc điều chỉnh mức hưởng một số chế độ, chính sách đối với DQTV như trong dự thảo Nghị định là bảo đảm phù hợp với tổng thể cải cách tiền lương của cả nước, phù hợp với Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

- Mục đích ban hành:

Điều chỉnh mức hưởng một số chế độ, chính sách đối với DQTV phù hợp với mức tăng lương cơ sở và điều kiện kinh tế, mặt bằng thu nhập bình quân của người lao động ở các địa phương, tương thích với mức hưởng chế độ, chính sách của lực lượng DBĐV; quy định thực hiện BHXH, BHYT cho DQTT và BHYT cho thân nhân của DQTT nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc, nâng cao chất lượng tổng hợp, khả năng SSCĐ và hoạt động của lực lượng DQTV, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 04 Điều sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ, trong đó:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Điều 2. Quy định chuyển tiếp.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành.

- Điều 4. Trách nhiệm thi hành.

Nội dung cơ bản của Nghị định

- Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ được chi trả theo tháng, mức hưởng như sau:

a) Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 561.600 đồng;

b) Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn; Hải đoàn trưởng, Chính trị viên hải đoàn; Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội dân quân thường trực; Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội dân quân tự vệ cơ động: 514.800 đồng;

c) Phó Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên phó tiểu đoàn; Phó Hải đoàn trưởng, Chính trị viên phó hải đoàn; Phó Hải đội trưởng, Chính trị viên phó hải đội dân quân thường trực; Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội dân quân tự vệ cơ động: 491.400 đồng;

d) Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội; Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội; Trung đội trưởng dân quân cơ động, Trung đội trưởng dân quân thường trực: 468.000 đồng;

đ) Thôn đội trưởng: 280.800 đồng và hưởng thêm 100% phụ cấp chức vụ tiểu đội trưởng khi kiêm nhiệm tiểu đội trưởng dân quân tại chỗ, hoặc 100% phụ cấp chức vụ trung đội trưởng khi kiêm nhiệm trung đội trưởng dân quân tại chỗ. Trường hợp thôn tổ chức tổ dân quân tại chỗ thì được hưởng thêm 100% phụ cấp chức vụ của tiểu đội trưởng;

e) Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội; Phó Hải đội trưởng, Chính trị viên phó hải đội: 351.000 đồng;

g) Trung đội trưởng; Tiểu đội trưởng dân quân thường trực: 280.800 đồng;

h) Tiểu đội trưởng, Thuyền trưởng, Khẩu đội trưởng: 234.000 đồng”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

+ Bổ sung tên điều như sau:

“Điều 8. Chế độ phụ cấp hằng tháng, trợ cấp một lần, tiền ăn của Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Thôn đội trưởng”.

+ Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 8 như sau:

“c) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã trong thời gian làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu, tham gia huấn luyện, bồi dưỡng, tập huấn, chỉ huy đơn vị dân quân làm nhiệm vụ theo kế hoạch đã được phê duyệt hoặc quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên được bảo đảm tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ; được bảo đảm tiền ăn thêm các ngày lễ, tết bằng mức tiền ăn thêm các ngày lễ, tết của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam”.

+ Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Đối với Thôn đội trưởng: Mức hưởng phụ cấp hằng tháng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nhưng không thấp hơn 1.170.000 đồng”.

+ Sửa đổi khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Chế độ phụ cấp thâm niên của Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã được tính trả cùng kỳ lương, phụ cấp hằng tháng.

Phụ cấp thâm niên của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã được tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế”.

- Sửa đổi Điều 11 như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Mức trợ cấp ngày công lao động do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, nhưng không thấp hơn 327.600 đồng; trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm không thấp hơn 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng;

Trường hợp dân quân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, giải thoát con tin, trấn áp tội phạm, giải tán biểu tình, bạo loạn; phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở khu vực nguy cơ lây nhiễm cao; cứu sập, cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy, khắc phục sự cố thảm họa ở khu vực nguy hiểm đến tính mạng theo quyết định của Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương cấp huyện trở lên, mức trợ cấp ngày công lao động tăng thêm không thấp hơn 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng”.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 11 như sau:

“b) Mức tiền ăn cơ bản, mức tiền ăn thêm các ngày lễ, tết bằng mức tiền ăn cơ bản, mức tiền ăn thêm hiện hành các ngày lễ, tết của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam”.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 11 như sau:

“a) Khi làm nhiệm vụ, trừ nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển: Mức trợ cấp ngày công lao động, trợ cấp ngày công lao động tăng thêm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; mức tiền ăn của dân quân thường trực khi tàu neo đậu tại cảng, đi biển làm nhiệm vụ bằng mức tiền ăn của hạ sĩ quan, binh sĩ Hải quân trên tàu loại 1 khi neo đậu tại cảng, đi biển làm nhiệm vụ”.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 11 như sau:

“b) Khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển: Mức trợ cấp

ngày công lao động bằng 585.000 đồng; mức tiền ăn mỗi người mỗi ngày bằng 234.000 đồng;

Đối với thuyền trưởng, máy trưởng, lái tàu, thợ máy mức hưởng phụ cấp trách nhiệm được tính theo ngày thực tế hoạt động trên biển, mỗi người, mỗi ngày bằng 187.200 đồng”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

+ Sửa đổi khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Mức trợ cấp một lần cho dân quân thường trực khi được công nhận hoàn thành thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình, cứ mỗi năm phục vụ trong đơn vị dân quân thường trực được trợ cấp bằng 4.680.000 đồng. Trường hợp có tháng lẻ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được trợ cấp; từ 01 tháng đến 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 50% mức trợ cấp một năm phục vụ; từ 07 tháng đến 11 tháng được hưởng trợ cấp bằng một năm phục vụ”.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Chế độ bảo hiểm xã hội cho dân quân thường trực

a) Dân quân thường trực thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc áp dụng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 33/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

b) Thời gian đóng bảo hiểm xã hội được tính từ khi có quyết định thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân thường trực đến khi có quyết định công nhận hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân thường trực hoặc thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân thường trực trước thời hạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng cho dân quân thường trực: Đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 58/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

d) Dân quân thường trực có quyết định công nhận hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân thường trực hoặc thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân thường

trực trước thời hạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà không đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng theo quy định, nếu không có nguyện vọng bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và không tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, thì được hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 33/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

đ) Dân quân thường trực chết thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, thì thân nhân theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 67 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo mức hưởng quy định tại Điều 68 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Dân quân thường trực chết thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 69 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, thì thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần theo mức hưởng quy định tại Điều 70 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

e) Dân quân thường trực chết trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, thì người lo mai táng cho dân quân thường trực được nhận trợ cấp mai táng theo mức quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 33/2016/NĐ-CP ngày 10/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

g) Dân quân thường trực nếu bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà có đủ các điều kiện theo quy định tại các Điều 45 và Điều 46 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 thì được hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 và các Điều 48, Điều 49, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55 và Điều 56 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

h) Kinh phí đóng bảo hiểm xã hội cho dân quân thường trực do ngân sách địa phương bảo đảm, hằng tháng ngân sách địa phương đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thống nhất quản lý;

i) Dân quân thường trực khi làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc hy sinh, được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận là thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh hoặc liệt sỹ thì ngoài việc được hưởng chính sách ưu đãi người có công do ngân sách nhà nước bảo đảm, vẫn được thực hiện chế độ tai nạn lao động, tử tuất quy định tại điểm đ, điểm e, điểm g khoản này”.

+ Bổ sung khoản 4a như sau:

“4a. Chế độ bảo hiểm y tế cho dân quân thường trực thực hiện theo pháp luật về bảo hiểm y tế”

+ Bổ sung khoản 4b như sau:

“4b. Việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế đối với dân quân thường trực do cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp, hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam”.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được hưởng chế độ quy định tại khoản 1 Điều này và hưởng thêm 50% lương ngạch bậc tính theo ngày thực tế huy động, tiền ăn mỗi người mỗi ngày bằng 234.000 đồng; nếu mức thực tế thấp hơn quy định trên thì được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định này”.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 15 như sau:

+ Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 15 như sau:

“a) Trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi xuất viện. Nếu tai nạn làm suy giảm khả năng lao động 5% thì được hưởng trợ cấp một lần bằng 11.700.000 đồng; sau đó, cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng 1.170.000 đồng; suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên thì được hưởng 140.400.000 đồng”.

+ Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 15 như sau:

“b) Trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất một lần bằng 84.240.000 đồng; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 23.400.000 đồng”.

+ Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 15 như sau:

“c) Trường hợp bị ốm đau dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất một lần bằng 11.700.000 đồng; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 23.400.000 đồng”.

- Bổ sung Điều 15a như sau:

“Điều 15a. Kinh phí đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.”

2. Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Nghị định này thay thế Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Căn cứ chính trị và pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 và Công văn số 05-CV/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

- Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 và Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ).

- Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ; Công văn số 01/CV-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ; Công văn số 06/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Căn cứ thực tiễn

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, căn cứ chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết

số 18-NQ/TW; căn cứ kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ trên cơ sở hợp nhất Bộ Nội vụ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu của Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, có cơ cấu tổ chức tinh gọn, khoa học, hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 Điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

- Điều 1 quy định vị trí và chức năng;
- Điều 2 quy định nhiệm vụ và quyền hạn;
- Điều 3 quy định cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;
- Điều 4 quy định về hiệu lực thi hành;
- Điều 5 quy định về trách nhiệm thi hành Nghị định.

Những nội dung mới của Nghị định như sau:

- Về vị trí, chức năng: (1) Lược bỏ quy định chức năng quản lý nhà nước của Bộ về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo đã được chuyển về Bộ Dân tộc và Tôn giáo; (2) Sửa đổi, bổ sung cụm từ “chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính” thành “tổ chức chính quyền địa phương”; cụm từ “hội, tổ chức phi chính phủ” thành “hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ” để phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước về quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Bộ.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn

+ Lược bỏ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ về tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước của Bộ, cụ thể như sau:

Về lĩnh vực tổ chức hành chính nhà nước: (1) Lược bỏ nhiệm vụ “trình Chính phủ dự thảo nghị định của Chính phủ về thành lập mới, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể bộ, cơ quan ngang bộ” để phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội được quy định tại Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); (2) Lược bỏ nhiệm vụ “hướng dẫn xếp hạng các tổ chức hành chính” do pháp luật hiện hành không quy định việc xếp hạng đối với tổ chức hành chính.

Về lĩnh vực địa giới đơn vị hành chính: Lược bỏ nhiệm vụ “hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Nội vụ thực hiện các quy định của pháp luật về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; đặt tên, đổi tên và giải quyết tranh chấp địa giới đơn vị hành chính; việc phân loại đơn vị hành chính” để bảo đảm không trùng lặp với quy định chung về hướng dẫn, kiểm tra tại Nghị định.

Về lĩnh vực cán bộ, công chức, viên chức và công vụ: (1) Lược bỏ nhiệm vụ “thống nhất quản lý về mã số ngạch công chức, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức” để bảo đảm phù hợp với quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý đối với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; (2) Bổ sung nhiệm vụ “Thực hiện thống nhất kiểm định chất lượng đầu vào công chức” để phù hợp với nhiệm vụ do Chính phủ giao nhiệm vụ tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; (3) Hợp nhất nhóm nhiệm vụ quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức vào nhóm nhiệm vụ thuộc lĩnh vực cán bộ, công chức, viên chức và công vụ.

Về lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: (1) Lược bỏ nhiệm vụ “Xây dựng và hướng dẫn thực hiện kế hoạch tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài” để phù hợp với quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020; (2) Bổ sung nhiệm vụ “Hướng dẫn nghiệp vụ quản lý lao động đối với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài” để phù hợp với quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 70 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020.

Về lĩnh vực văn thư, lưu trữ nhà nước: Sửa đổi, bổ sung, quy định rõ các nhiệm vụ để phù hợp với quy định tại Luật Lưu trữ năm 2024.

- Về cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ (sau hợp nhất) đã bảo đảm tinh gọn, khoa học, hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm thực hiện mục tiêu của Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, cụ thể:

- + Vụ: 10 đơn vị.
- + Cục và tổ chức tương đương: 06 đơn vị.
- + Thanh tra Bộ.
- + Văn phòng Bộ.
- + Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ: 04 đơn vị.

Trước khi hợp nhất, cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ có 18 đơn vị; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có 17 đơn vị hợp nhất với Bộ Nội vụ. Tổng số là 35 đơn vị đầu mối. Sau khi hợp nhất, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ có 22 đơn vị đầu mối, giảm 13 đơn vị (đạt tỷ lệ giảm 37,14%).

3. Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Nghị định này bãi bỏ:

- Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

- Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

- Nghị định số 146/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ;

- Quyết định số 18/2024/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở pháp lý

- + Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;
- + Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010;
- + Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;
- + Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- + Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện theo chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về đổi mới, sắp xếp mô hình tổ chức bộ máy bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới.

- Mục đích ban hành:

Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các đơn vị; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước được quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản có liên quan đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước trong tình hình mới.

Thực hiện Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước nhận thấy việc trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý cho Ngân hàng Nhà nước sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị phù hợp với định hướng của Ban Chỉ đạo Chính phủ.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 Điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể như sau:

- Điều 1. Vị trí và chức năng;
- Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn;
- Điều 3. Cơ cấu tổ chức;
- Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp;
- Điều 5. Hiệu lực thi hành;
- Điều 6. Trách nhiệm thi hành.

Nội dung chủ yếu của Nghị định

- Phạm vi điều chỉnh: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Đối tượng áp dụng: Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Nội dung mới:

+ *Về nhiệm vụ, quyền hạn (Điều 2)*

Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 2 để phù hợp với thực tiễn nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước trong hoạt động thanh tra ngân hàng, giám sát ngân hàng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước sau khi tổ chức lại Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

+ *Về cơ cấu, tổ chức (Điều 3)*

Đối với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: Tổ chức lại Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thành 03 Cục và tương đương gồm: Thanh tra Ngân hàng Nhà nước; Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng; Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng.

Đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố: Tổ chức lại 63 chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành 15 Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (Ngân hàng Nhà nước Khu vực).

Đối với các đơn vị Vụ, Cục: Chấm dứt hoạt động của Vụ Truyền thông, Cục Quản trị chuyển chức năng cho Văn phòng, Thời báo Ngân hàng, Vụ Tổ chức cán bộ; Sáp nhập Vụ Quản lý ngoại hối với Cục Quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước, đồng thời đổi tên thành Cục Quản lý ngoại hối; Sáp nhập Vụ Kiểm toán nội bộ với Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Chấm dứt hoạt động của Viện Chiến lược ngân hàng chuyển chức năng cho Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ; Sáp nhập Tạp chí Ngân hàng với Thời báo Ngân hàng.

4. Nghị định số 32/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; thay thế Nghị định số 108/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm KHXH).

Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại được tiếp tục hoạt động đến khi Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị mới sau khi sắp xếp, tổ chức lại theo quy định, thời hạn chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Căn cứ thực tiễn

Thực hiện quy định tại Nghị định số 108/2022/NĐ-CP, cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KHXH tiếp tục được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; hoạt động nghiên cứu khoa học với nhiều công trình nghiên cứu, công bố quốc tế, báo cáo tư vấn chính sách có giá trị, góp phần phát triển các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, khẳng định vị thế, vai trò, tầm quan trọng của cơ quan nghiên cứu hàng đầu của đất nước trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

+ Về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Theo Điều 1 Nghị định số 108/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ, Viện Hàn lâm KHXH là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng nghiên cứu những vấn đề cơ bản về khoa học xã hội; cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển nhanh và bền vững của đất nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tư vấn về chính sách phát

triển trong lĩnh vực khoa học xã hội; đào tạo nhân lực có trình độ cao về khoa học xã hội theo quy định của pháp luật.

Các chức năng trên được cụ thể hóa thành 14 nhóm nhiệm vụ lớn, với nhiều nhiệm vụ cụ thể.

+ Về cơ cấu tổ chức

Theo Nghị định số 108/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm KHXH tiếp tục được củng cố, kiện toàn theo đúng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Viện Hàn lâm và các đơn vị thuộc, trực thuộc đã thực hiện rà soát, sắp xếp mô hình tổ chức nội bộ theo hướng giảm các đầu mối cấp phòng, trung gian theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của Viện Hàn lâm KHXH.

Có 36 đơn vị đã hoàn thiện việc rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức, tinh giản 67 tổ chức cấp phòng; 02 đơn vị do Chủ tịch Viện thành lập (sáp nhập Trung tâm Thông tin - Thư viện quốc tế vào Viện Thông tin Khoa học xã hội, sáp nhập Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ khoa học vào Văn phòng Viện Hàn lâm); có 04 đơn vị hoạt động hết năm 2024 đang thực hiện các thủ tục sáp nhập theo lộ trình quy định tại Nghị định số 108/2022/NĐ-CP. Sau khi tiến hành sáp nhập, hợp nhất 08 đơn vị, Viện Hàn lâm KHXH giảm từ 42 đơn vị xuống còn 38 đơn vị trực thuộc (giảm 04 tổ chức khoa học và công nghệ công lập).

Như vậy, từ năm 2017 đến nay, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm KHXH đã giảm 09 đơn vị trực thuộc (đơn vị tương đương cấp vụ) và 279 tổ chức cấp phòng.

+ Về thực hiện cơ chế tự chủ

Tính đến hết ngày 31/12/2024, Viện Hàn lâm KHXH có 36 tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) công lập và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của Viện Hàn lâm KHXH, đã được phân loại, phê duyệt phương án tự chủ theo mức độ tự chủ như sau:

(i) Số tổ chức tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 34 tổ chức.

(ii) Số tổ chức do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 02 tổ chức. Theo báo cáo của Viện Hàn lâm KHXH, hoạt động theo cơ chế tự chủ, các tổ chức KH&CN và đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trực thuộc Viện Hàn lâm

KHXXH đã chủ động hơn trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị từ lập kế hoạch nghiên cứu, xác định chủ đề nhiệm vụ nghiên cứu, lựa chọn đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, cấp bộ, các chủ đề tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học; đề xuất các đề tài, hệ đề tài cấp bộ, cấp cơ sở, cấp nhà nước hoặc đề tài thuộc Quỹ Nafosted hoặc các đề tài phối hợp với các bộ, ngành, đơn vị ở trong nước và nước ngoài. Việc thực hiện theo cơ chế này đã mở rộng quyền cho các đơn vị như tổ chức nghiên cứu và hợp tác trong nghiên cứu khoa học, tổ chức bộ máy, cơ chế tài chính, nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế... tạo điều kiện đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ khoa học để thu hút thêm các nguồn kinh phí khác ngoài kinh phí ngân sách nhà nước giao hàng năm.

Thực hiện các quy định của Nhà nước về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, Viện Hàn lâm KHXXH đã tiến hành thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ của 36 tổ chức KH&CN công lập và ĐVSNCL trực thuộc theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp. Đồng thời, Viện Hàn lâm KHXXH đã tiến hành hướng dẫn các đơn vị rà soát, đánh giá lại chức năng, nhiệm vụ và xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy cho phù hợp nhằm thực hiện mục tiêu tái cơ cấu, tổ chức lại tổ chức bộ máy phù hợp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với thực tiễn hoạt động nhiệm vụ chính trị của đơn vị và của Viện Hàn lâm KHXXH.

(iii) Công tác quản lý, sử dụng và phân bổ số lượng người làm việc trong các tổ chức KH&CN, ĐVSNCL trực thuộc Viện Hàn lâm KHXXH thường xuyên chú trọng, bảo đảm tính thiết thực và hiệu quả. Công tác tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực, đội ngũ viên chức và người lao động được căn cứ trên từng vị trí việc làm của từng đơn vị. Việc thu hút và tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng, đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, thời gian qua đã được Viện Hàn lâm KHXXH thống nhất chủ trương một mặt tìm kiếm, thu hút các đối tượng đã tốt nghiệp sau đại học về giao đảm nhiệm những vị trí quản lý, mặt khác không ngừng tìm kiếm nguồn nhân lực đã tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên từ các trường chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn. Thông qua các hoạt động hợp tác, liên kết nghiên cứu cũng là một phương pháp hữu ích để thu hút những đối tượng thực sự say mê nghiên cứu khoa học về làm việc tại Viện Hàn lâm KHXXH.

Quán triệt chủ trương của Đảng về cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, thực hiện

chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về việc tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, đề cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, Chính phủ trong việc kiện toàn, sắp xếp các cơ quan trong hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, Bộ KH&CN đã phối hợp với Viện Hàn lâm KHXH rà soát, xây dựng Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KHXH (thay thế Nghị định số 108/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ), bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ pháp lý

- + Hiến pháp năm 2013;
- + Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
- + Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;
- + Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ; Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ;
- + Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- + Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW;
- + Công văn số 732/BNV-TCBC ngày 18/12/2024 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện kết luận tại Phiên họp thứ tư của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

- Mục đích ban hành:

- + Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KHXH bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng Viện Hàn lâm trở thành trung tâm nghiên cứu ngang tầm các nước tiên tiến, có đủ năng lực, điều kiện để giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu, đóng góp của đội ngũ trí thức theo tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung

ương Đảng khóa XIII về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW.

+ Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong của Viện Hàn lâm KHXH, bảo đảm giảm đầu mối các đơn vị thuộc Viện Hàn lâm theo đúng yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 Điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cụ thể như sau:

- Về vị trí, chức năng (Điều 1)

Về cơ bản giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 108/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ. Tại hồ sơ gửi kèm Công văn số 78/KHXH-TCCB ngày 16/01/2025, Viện Hàn lâm KHXH đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung, cụ thể như sau:

+ Biên tập lại nội dung “đào tạo nhân lực có trình độ cao về khoa học xã hội theo quy định của pháp luật” thành “đào tạo nguồn nhân lực về khoa học xã hội theo quy định của pháp luật”. Về nội dung này, Bộ Khoa học và Công nghệ nhất trí với đề xuất của Viện Hàn lâm KHXH.

+ Đề nghị bổ sung nội dung “thực hiện điều tra cơ bản về kinh tế - xã hội” vào chức năng (nội dung này đang được quy định tại khoản 3 Điều 2 (nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Hàn lâm KHXH) Nghị định số 108/2022/NĐ-CP). Theo hồ sơ gửi kèm Công văn số 78/KHXH-TCCB ngày 16/01/2025, Viện Hàn lâm KHXH cung cấp luận cứ để bổ sung chức năng nêu trên cụ thể như sau:

Viện Hàn lâm KHXH có chức năng nghiên cứu những vấn đề cơ bản về khoa học xã hội; cung cấp luận cứ khoa học cho công tác hoạch định đường lối, chiến lược; tư vấn chính sách phát triển và đào tạo nguồn nhân lực. Trong đó, nghiên cứu cơ bản tập trung vào các chủ đề mang tính nền tảng, mang tính dài hạn hoặc mới phát sinh gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Để thực hiện thực chất, hiệu quả các chức năng này cần có một cơ sở dữ liệu được xây dựng hệ thống, phổ quát, bao trùm các vấn đề cơ bản về khoa học xã hội, cập nhật thường xuyên, nhất là dữ liệu mới, các lĩnh vực phát sinh gắn với biến động của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Theo đó, cần thiết thực hiện các cuộc điều tra cơ bản làm nền tảng, chất liệu đầu vào hình thành cơ sở dữ liệu.

Nội hàm của điều tra cơ bản là hình thức thu thập số liệu và thông tin chi tiết đến cấp độ cá thể như hộ gia đình và doanh nghiệp về các lĩnh vực, chủ đề mang tính cơ bản, nền tảng trong khoa học xã hội.

Chức năng điều tra cơ bản như quy định tại Nghị định không trùng lặp mà còn bổ sung cho chức năng của các bộ, ngành khác trong thu thập số liệu. Ví dụ: Tổng cục Thống kê thực hiện nhiệm vụ thu thập và công bố số liệu của các chỉ tiêu nằm trong hệ thống chỉ tiêu thống kê theo quy định của Luật Thống kê. Các chỉ tiêu này có thể không liên quan đến các chủ đề trong khoa học cơ bản, nhất là các vấn đề mới phát sinh. Lý do chính là chủ đề nghiên cứu cơ bản được phát hiện trong thực tiễn, mang tính thời sự gắn với quá trình vận hành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Trong khi đó, việc thu thập số liệu theo hệ thống chỉ tiêu quốc gia được thực hiện theo các tiêu chí cụ thể, có thể không phản ánh kịp thời các vấn đề mới phát sinh trong quá trình vận động, phát triển của khoa học xã hội.

Bên cạnh đó, nhiệm vụ điều tra cơ bản đã và đang được Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam triển khai trong thực tế và đã được thể hiện cụ thể tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 108/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu, rà soát, Bộ KH&CN thấy rằng việc thực hiện điều tra cơ bản về kinh tế - xã hội là một hoạt động phục vụ cho công tác nghiên cứu (chức năng chính của Viện Hàn lâm KHXH) để cung cấp luận cứ khoa học cho công tác hoạch định đường lối, chiến lược; tư vấn chính sách phát triển và đào tạo nguồn nhân lực mà Viện Hàn lâm KHXH đang được giao thực hiện; hoạt động điều tra cơ bản về kinh tế - xã hội là một trong những phương pháp để thu thập, hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ việc triển khai thực hiện các chức năng chính của Viện Hàn lâm KHXH, nội dung này hiện cũng đang được quy định tại khoản 3 Điều 2 (nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Hàn lâm KHXH) Nghị định số 108/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ. Vì vậy, Bộ KH&CN đề nghị không bổ sung nội dung thực hiện điều tra cơ bản về kinh tế - xã hội vào chức năng của Viện Hàn lâm KHXH.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn (Điều 2)

Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Hàn lâm KHXH về cơ bản giữ ổn định như quy định tại Nghị định số 108/2022/NĐ-CP để bảo đảm thực hiện hiệu quả, thực chất các nhiệm vụ được giao; kế thừa và phát huy các thành tựu, kết quả đạt được gắn

với định hướng phát triển Viện Hàn lâm KHXH theo tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW. Theo đó, tại Nghị định có rà soát, biên tập lại một số nội dung để bảo đảm đầy đủ, phù hợp với thực tiễn triển khai thực hiện, cụ thể: (1) bổ sung cụm từ “Tư vấn chính sách” tại điểm b khoản 1, (2) Biên tập lại nội dung tại khoản 3 thành “Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản về kinh tế - xã hội, phân tích và dự báo phục vụ nhu cầu phát triển đất nước, chú trọng những lĩnh vực chủ yếu, những ngành, vùng kinh tế trọng điểm”.

Tại Hồ sơ gửi kèm Công văn số 78/KHXH-TCCB ngày 16/01/2025, Viện Hàn lâm KHXH đề xuất bổ sung nhiệm vụ “Nghiên cứu xã hội và quản lý phát triển xã hội” tại Khoản 2 (Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về khoa học xã hội) Điều 2 Nghị định để đảm bảo thực hiện hiệu quả, toàn diện, đầy đủ chức năng nghiên cứu những vấn đề cơ bản về khoa học xã hội; cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển nhanh và bền vững của đất nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý phát triển xã hội, bên cạnh việc nghiên cứu về hệ thống chính trị; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam; nghiên cứu về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,...

Về nội dung này, sau khi rà soát, Bộ KH&CN có ý kiến như sau: tại hồ sơ gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Viện Hàn lâm KHXH chưa đề xuất bổ sung nhiệm vụ này. Đồng thời, tại Hồ sơ gửi kèm Công văn số 78/KHXH-TCCB ngày 16/01/2025, Viện Hàn lâm KHXH chưa làm rõ được sự cần thiết, cung cấp cơ sở pháp lý, cơ sở chính trị, căn cứ thực tiễn đề xuất bổ sung nhiệm vụ nêu trên. Vì vậy, Bộ KH&CN thấy rằng chưa đủ căn cứ để bổ sung nhiệm vụ nêu trên tại Nghị định.

- Về cơ cấu tổ chức (Điều 3)

Theo Nghị định số 108/2022/NĐ-CP, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm KHXH tiếp tục được củng cố, kiện toàn, tinh gọn theo đúng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với việc thực hiện Nghị quyết số

18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW. Theo lộ trình, Viện Hàn lâm KHXH và các đơn vị thuộc, trực thuộc đã thực hiện rà soát, sắp xếp mô hình tổ chức nội bộ theo hướng giảm các đầu mối cấp phòng, trung gian theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của Viện Hàn lâm. Có 36 đơn vị đã hoàn thiện việc rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức, tinh giản 67 tổ chức cấp phòng; 02 đơn vị do Chủ tịch Viện thành lập (sáp nhập Trung tâm Thông tin - Thư viện quốc tế vào Viện Thông tin Khoa học xã hội, sáp nhập Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ khoa học vào Văn phòng Viện Hàn lâm); có 04 đơn vị trực thuộc hoạt động hết năm 2024 đang thực hiện các thủ tục sáp nhập theo lộ trình quy định tại Nghị định số 108/2022/NĐ-CP (sáp nhập Viện Nghiên cứu Kinh thành vào Viện Khảo cổ học; sáp nhập Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam vào Viện Ngôn ngữ).

Sau khi tiến hành sáp nhập, hợp nhất 08 đơn vị, từ ngày 01/01/2025, Viện Hàn lâm giảm từ 42 đơn vị xuống còn 38 đơn vị trực thuộc (giảm 04 tổ chức khoa học và công nghệ công lập) theo đúng số lượng cơ cấu tổ chức tại Nghị định số 108/2022/NĐ-CP. Trong đó có 05 đơn vị chuyên môn giúp việc Chủ tịch Viện Hàn lâm; 29 tổ chức KH&CN công lập và 04 đơn vị sự nghiệp công lập khác.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ, Viện Hàn lâm KHXH đề xuất tiếp tục thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy để giảm 12 đầu mối trực thuộc, cụ thể như sau:

+ Hợp nhất Ban Kế hoạch - Tài chính và Ban Quản lý khoa học thành Ban Tài chính và Quản lý khoa học.

Lý do: Tinh giản đầu mối đơn vị chức năng; giảm mạnh thủ tục hành chính; tạo sự thống nhất, liên thông giữa công tác quản lý khoa học với công tác lập kế hoạch, phân bổ kinh phí và quản lý tài chính của Viện Hàn lâm; nâng cao năng lực tham mưu, giúp việc.

+ Sáp nhập Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin vào Văn phòng Viện Hàn lâm.

Lý do: Tinh giản đầu mối và biên chế đơn vị chức năng phù hợp với chủ trương của Trung ương về điều chuyển chức năng, nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông; đảm bảo tính liên thông trong thực hiện các nhiệm vụ, tạo bước chuyển biến mới trong công tác tham mưu ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông đáp ứng yêu cầu của Viện Hàn lâm.

+ Hợp nhất Nhà xuất bản Khoa học xã hội và Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam thành Nhà xuất bản và Tạp chí Khoa học xã hội.

Lý do: Hợp nhất hai đơn vị sự nghiệp có mức độ tương đồng cao về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động nghiệp vụ; phù hợp với chủ trương của Trung ương về chuyển một số chức năng truyền thông từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; khắc phục tình trạng dàn trải, quy mô đội ngũ cán bộ quá mỏng, thiếu hiệu quả hiện nay; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành, biên tập và phát hành.

+ Hợp nhất Viện Địa lý nhân văn và Viện Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng thành Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững.

Lý do: Tích hợp các lĩnh vực nghiên cứu gần, mang tính liên ngành; tránh tình trạng giao thoa về lĩnh vực, chủ đề nghiên cứu; tăng cường năng lực và chất lượng công tác tư vấn chính sách.

+ Hợp nhất Viện Nghiên cứu Con người và Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thành Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.

Lý do: Tích hợp các lĩnh vực nghiên cứu gần, mang tính liên ngành; tránh tình trạng giao thoa về lĩnh vực, chủ đề nghiên cứu; tăng cường năng lực và chất lượng công tác tư vấn chính sách.

+ Hợp nhất Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên thành Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên.

Lý do: Hợp nhất 02 đơn vị đa ngành, có phạm vi, lĩnh vực nghiên cứu gần; khắc phục tình trạng quy mô đội ngũ cán bộ mỏng, chưa phát huy hết tiềm năng, thể mạnh hiện nay.

+ Hợp nhất Viện Xã hội học và Viện Tâm lý học thành Viện Xã hội học và Tâm lý học.

Lý do: Tích hợp các lĩnh vực nghiên cứu gần, mang tính liên ngành; tránh tình trạng giao thoa về lĩnh vực, chủ đề nghiên cứu; tăng cường năng lực và chất lượng công tác tư vấn chính sách.

+ Hợp nhất Viện Dân tộc học và Viện Nghiên cứu Tôn giáo thành Viện Dân tộc học và Tôn giáo học.

Lý do: Tích hợp các lĩnh vực nghiên cứu gần, mang tính liên ngành; tránh tình trạng giao thoa về lĩnh vực, chủ đề nghiên cứu; tăng cường năng lực và chất lượng công tác tư vấn chính sách.

+ Hợp nhất Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á và Viện Nghiên cứu Đông Nam Á thành Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương (03 đơn vị)

Lý do: Hợp nhất 03 đơn vị nghiên cứu quốc tế có phạm vi, lĩnh vực nghiên cứu gần, có nội dung nghiên cứu giao thoa, tương đồng; tập trung được nguồn lực, phát huy các thế mạnh của từng đơn vị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả tư vấn chính sách.

+ Hợp nhất Viện Nghiên cứu Châu Âu và Viện Nghiên cứu Châu Mỹ thành Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ.

Lý do: Hợp nhất 02 đơn vị nghiên cứu quốc tế có phạm vi, lĩnh vực nghiên cứu gần, có nội dung nghiên cứu giao thoa, tương đồng; tập trung được nguồn lực, phát huy các thế mạnh của từng đơn vị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả tư vấn chính sách.

+ Hợp nhất Viện Kinh tế và Chính trị thế giới và Viện Kinh tế Việt Nam thành Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới.

Lý do: Hai đơn vị có mức độ tương đồng cao về chức năng, nhiệm vụ; tập trung được nguồn lực, phát huy các thế mạnh, dư địa nghiên cứu của từng đơn vị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả tư vấn chính sách.

Theo đó, sau khi kiện toàn, sắp xếp, cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KHXH sẽ giảm 12/38 đầu mối, tương đương 31,57%.

- Về lãnh đạo Viện Hàn lâm (Điều 4): Giữ nguyên nội dung như quy định tại Nghị định số 108/2022/NĐ-CP.

- Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 5): Sau khi rà soát hồ sơ gửi kèm theo Công văn số 78/KHXH-TCCB ngày 16/01/2025 của Viện Hàn lâm, Bộ KH&CN đã biên tập lại nội dung điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm ngắn gọn, tránh tạo khoảng trống pháp lý sau khi dự thảo Nghị định được ban hành và có hiệu lực thi hành, cụ thể như sau:

“1. Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các Đề án kiện toàn, sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm bảo đảm theo đúng quy định.

2. Các đơn vị thuộc diện kiện toàn, sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất, được tiếp tục hoạt động đến khi Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của đơn vị mới sau khi kiện toàn, sắp xếp theo quy định”.

- Về hiệu lực và trách nhiệm thi hành (Điều 6): rà soát, biên tập để bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành.

5. Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2025. Riêng các biểu mẫu số 42, 43, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 57 quy định tại khoản 43 Điều 1 Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2027.

- Bãi bỏ một phần một số Nghị định:

Bãi bỏ một phần Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải bao gồm: khoản 3, khoản 6 và khoản 13 Điều 3; khoản 4 Điều 39.

Bãi bỏ một phần Nghị định số 70/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP bao gồm: điểm b khoản 1 Điều 1; Mục 3 Chương II.

- Đii bỏ một phần Nghị đ:

Đii bỏ một phần Nghị định số 70/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP bao gồm: điểm b khoản 1 Điều 1; Mục 3 Chương II. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2027. ác an toàn nhưng chưa có Phương án bảo đảm an toàn hàng hải được phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định thì được tiếp tục tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải chậm nhất 12 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.

Sau 12 tháng kn Nghị định số 70/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị đị có phương án bảo đảm an toàn hàng hải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì không được phép tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Nghị định nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác cải cách hành chính; cắt giảm điều kiện kinh doanh; triển khai thực hiện các luật có liên quan đến hoạt động hàng hải; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn hiện nay.

Đồng thời, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hàng hải, bổ sung những đối tượng quản lý phát sinh trong thực tiễn; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về giao thông vận tải.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 Điều, 04 Phụ lục sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, cụ thể như sau:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021; Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022; Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023.

- Điều 2. Bãi bỏ một phần một số Nghị định.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành.

- Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp.

- Điều 5. Tổ chức thực hiện.

- Phụ lục I: Các biểu mẫu thay thế các biểu mẫu của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

- Phụ lục II: các biểu mẫu thay thế các biểu mẫu của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2023/NĐ-CP.

- Phụ lục III: Các biểu mẫu bổ sung.

- Phụ lục IV: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

- Phạm vi điều chỉnh:

+ Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, bao gồm: đầu tư xây dựng, khai thác cảng biển, luồng hàng hải, công trình hàng hải, báo hiệu hàng hải, thông

báo hàng hải, hoạt động của hoa tiêu hàng hải và quản lý hoạt động của tàu thuyền tại vùng nước cảng biển, trong vùng biển Việt Nam.

+ Các quy định tại Nghị định này về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường cũng được áp dụng đối với cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển.

- Đối tượng áp dụng:

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng biển, luồng hàng hải và quản lý hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển, vùng biển của Việt Nam.

Nội dung cơ bản của Nghị định

- Nghị định bổ sung một số nội dung mới:

+ Quy định về thanh thải vật chướng ngại (khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP): vật chướng ngại trái phép trên luồng, hành lang bảo vệ luồng phải được thanh thải để bảo đảm an toàn giao thông. Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm lập hồ sơ theo dõi vật chướng ngại có ảnh hưởng đến an toàn giao thông hàng hải; tổ chức, cá nhân gây ra vật chướng ngại có trách nhiệm thanh thải vật chướng ngại trong thời hạn do Cảng vụ hàng hải quyết định, nếu không thực hiện thanh thải trong thời hạn quy định thì Cảng vụ hàng hải thực hiện thanh thải vật chướng ngại đó và tổ chức, cá nhân gây ra vật chướng ngại phải chịu mọi chi phí. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thanh thải vật chướng ngại tự nhiên hoặc vật chướng ngại không xác định được tổ chức, cá nhân gây ra.

+ Quy định về quản lý tàu lặn hoạt động du lịch trong vùng nước cảng biển Việt Nam (khoản 36 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP): nội dung quy định gồm 12 Điều, quy định cụ thể về quản lý tàu lặn bao gồm: vùng hoạt động tàu lặn; điều kiện thuyền viên tàu lặn; định biên an toàn tối thiểu tàu lặn; thủ tục phê duyệt phương án đưa tàu lặn vào hoạt động; chấm dứt hoạt động tàu lặn; trách nhiệm của tổ chức khai thác hoạt động tàu lặn; trách nhiệm của thuyền trưởng tàu mẹ hỗ trợ tàu lặn, thuyền viên điều khiển tàu lặn, thuyền viên hỗ trợ điều khiển tàu lặn; trách nhiệm của hành khách; trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải; quy định về công tác phối hợp trong công tác tìm kiếm cứu nạn khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động lặn; báo cáo tai nạn, sự cố; điều tra tai nạn, sự cố.

- Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nội dung:

+ Quy định về Phương án bảo đảm an toàn hàng hải (khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP): quy định bổ sung trường hợp phải lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải là Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố; bổ sung quy định hồ sơ tiếp nhận thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Quy định về thủ tục công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước hoặc đưa bến cảng, cầu cảng vào khai thác tạm (khoản 8 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP): bổ sung quy định bến cảng, cầu cảng nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu từng phần đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào khai thác tạm trong trường hợp việc thi công xây dựng cơ bản đã hoàn thành theo yêu cầu thiết kế, nhưng còn một số tồn tại về chất lượng mà không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, tuổi thọ, công năng của công trình và đảm bảo công trình đủ điều kiện khai thác an toàn và đáp ứng quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật về xây dựng. Thời gian khai thác tạm của bến cảng, cầu cảng theo biên bản nghiệm thu công trình xây dựng tối đa không quá 12 tháng; đồng thời bổ sung quy định hồ sơ tiếp nhận thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và rà soát cắt giảm thành phần hồ sơ là kết quả thủ tục hành chính do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp phép.

+ Quy định về nguyên tắc quản lý, khai thác cảng biển (khoản 11 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP):

(i) Bổ sung quy định Bến cảng, cầu cảng trước khi khai thác, tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố phải được phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định, Bộ Giao thông vận tải quy định tần suất đánh giá an toàn kết cấu bến cảng, cầu cảng.

(ii) Chủ đầu tư xây dựng bến cảng, cầu cảng tự quyết định hình thức quản lý, khai thác phù hợp với quy định của Nghị định, trường hợp sử dụng chung bến cảng, cầu cảng, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải, các chủ đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ có liên quan.

+ Quy định về nguyên tắc vận hành luồng hàng hải (khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP): sửa đổi quy định luồng hàng hải công cộng do Cục Hàng hải Việt Nam tổ

chức quản lý vận hành; quy định chuyển đổi luồng hàng hải chuyên dùng được chuyển thành luồng hàng hải công cộng; bổ sung quy định về thanh thải vật chướng ngại.

+ Quy định về dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải (khoản 13 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP):

+ Thẩm quyền thông báo hàng hải (khoản 18 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung Điều 45 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP): sửa đổi thẩm quyền công bố thông báo hàng hải, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công bố thông báo hàng hải là Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ hàng hải:

Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức thực hiện công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định và thông báo hàng hải quy định tại khoản 9 Điều 44 của Nghị định.

Cảng vụ hàng hải thực hiện công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định và các thông báo hàng hải quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 44 của Nghị định.

Ngoài ra, Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung quy định về phương thức nộp hồ sơ và thành phần hồ sơ của một số thủ tục công bố thông báo hàng hải khi thực hiện qua môi trường điện tử.

6. Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Vụ Giáo dục thường xuyên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên. Thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Nghị định số 37 được ban hành để thay thế Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 25/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện định hướng, chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và Kế hoạch của Ban Chỉ đạo về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ; tiếp nhận và sắp xếp, cơ cấu lại, thu gọn đầu mối, các đơn vị và cơ sở giáo dục nghề nghiệp (tiếp nhận từ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chuyển sang) đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động; bảo đảm sự đồng bộ, liên thông từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp đến giáo dục đại học.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 6 Điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Về vị trí chức năng:

Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên; phát triển kỹ năng nghề; quản lý nhà nước về tiếng Việt và tiếng các dân tộc; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

- Về nhiệm vụ và quyền hạn:

Bộ GDĐT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục đại học, Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GDĐT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Các nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ GDĐT cơ bản giữ nguyên như Nghị định số 86/2012/NĐ-CP nhưng có bổ sung một số nhiệm vụ liên quan đến việc quản lý nhà nước đối với giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời, có rà soát điều chỉnh một số nhiệm vụ cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành như việc: Định giá tối đa sách giáo khoa; Thực hiện vai trò cơ quan quản lý các đại học quốc gia; trình Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên; Quản lý người nước ngoài vào giảng dạy, làm việc tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam...

- Về cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo giảm từ 23 xuống còn 18 đơn vị gồm:

- + Vụ Giáo dục Mầm non
- + Vụ Giáo dục Phổ thông
- + Vụ Giáo dục Đại học
- + Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh
- + Vụ Học sinh, sinh viên;
- + Vụ Pháp chế;
- + Vụ Tổ chức cán bộ;
- + Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- + Văn phòng;
- + Thanh tra;
- + Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;
- + Cục Quản lý chất lượng;
- + Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin;
- + Cục Hợp tác quốc tế;
- + Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;
- + Báo Giáo dục và Thời đại;
- + Tạp chí Giáo dục;
- + Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

Các đơn vị từ 1 đến 15 là các tổ chức thuộc Bộ, giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước, các đơn vị từ 16 đến 18 là các đơn vị sự nghiệp công lập, phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nghị định số 38/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2025 và thay thế Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Hàn lâm KH&CN).

Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại, giải thể được tiếp tục hoạt động đến khi Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị mới sau khi sắp xếp, tổ chức lại hoặc quyết định giải thể đơn vị theo quy định, thời hạn chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Căn cứ thực tiễn

Ngày 24/12/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 106/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KH&CN. Theo quy định tại Nghị định này, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KH&CN đã được thể hiện tương đối đầy đủ, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay, cụ thể như sau:

+ Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Tên gọi "Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam" theo quy định tại Nghị định số 106/2022/NĐ-CP là phù hợp nhằm tiếp tục khẳng định Viện Hàn lâm KH&CN là cơ quan duy nhất thuộc Chính phủ nghiên cứu về khoa học tự nhiên và phát triển công nghệ. Đây là trung tâm nghiên cứu, đào tạo cán bộ khoa học, công nghệ mạnh, đa ngành, đóng vai trò đầu tàu, động lực phát triển khoa học và công nghệ của đất nước, góp phần quan trọng trong việc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

+ Về vị trí, chức năng, Viện Hàn lâm KH&CN là cơ quan thuộc Chính phủ, phù hợp với tầm quan trọng cũng như tính đặc thù của một viện hàn lâm quốc gia về nghiên cứu khoa học, công nghệ. Viện bảo đảm thực hiện chức năng nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên và phát triển công nghệ; cung cấp luận cứ khoa học cho công tác quản lý khoa học, công nghệ và xây dựng chính sách, chiến lược,

quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ có trình độ cao theo quy định của pháp luật.

+ Về nhiệm vụ, quyền hạn: Về cơ bản, nhiệm vụ và quyền hạn của Viện Hàn lâm KH&CN được quy định rõ ràng, cụ thể, không trùng lặp, chồng chéo với các bộ, ngành khác, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về cơ cấu tổ chức: Theo Nghị định số 106/2022/NĐ-CP, cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KH&CN gồm 38 đơn vị, trong đó có 05 đơn vị chuyên môn giúp việc cho Chủ tịch Viện, 25 tổ chức khoa học và công nghệ công lập, và 08 đơn vị sự nghiệp công lập khác. So với nhiệm kỳ trước, cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KH&CN giảm 04 đơn vị trực thuộc, gồm:

(i) Hợp nhất Ban Tổ chức - Cán bộ và Ban Kiểm tra thành Ban Tổ chức - Cán bộ và Kiểm tra;

(ii) Hợp nhất Viện Khoa học Năng lượng và Viện Công nghệ Môi trường thành Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường;

(iii) Hợp nhất Trung tâm Phát triển công nghệ cao và Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ thành Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao;

(iv) Sáp nhập Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Nha Trang vào Viện Hải dương học.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương, dưới sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Viện Hàn lâm KH&CN, từ năm 2022 đến nay, Viện đã hoàn thành việc sáp nhập, hợp nhất 29 đơn vị, tương ứng giảm 18 đơn vị trực thuộc, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Trên cơ sở rà soát chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc, Viện đảm bảo rằng chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị được quy định rõ ràng, không chồng chéo và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định. Trong giai đoạn 2022 - 2024, Viện đã giảm 63 đơn vị cấp phòng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

+ Về thực hiện cơ chế tự chủ: Tính đến ngày 31/12/2024, Viện Hàn lâm KH&CN có 33 tổ chức khoa học và công nghệ công lập và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, được phân loại và phê duyệt phương án tự chủ theo mức độ tự chủ như sau:

(i) Số tổ chức tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 32 tổ chức;

(ii) Số tổ chức do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 01 tổ chức.

Hoạt động theo cơ chế tự chủ giúp các tổ chức KH&CN và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Viện chủ động hơn trong việc lập kế hoạch nghiên cứu, xác định nhiệm vụ nghiên cứu, lựa chọn đề tài cấp cơ sở, cấp bộ, tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học và đề xuất các đề tài hợp tác trong nước và quốc tế. Việc thực hiện cơ chế tự chủ đã mở rộng quyền tự quyết của các đơn vị trong nghiên cứu khoa học, tổ chức bộ máy, tài chính, nhân lực, hợp tác quốc tế... tạo điều kiện đẩy mạnh dịch vụ khoa học nhằm thu hút thêm các nguồn kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước.

Thực hiện theo quy định của Nhà nước về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, Viện Hàn lâm KH&CN đã thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ của 33 tổ chức KH&CN công lập và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, Viện đã hướng dẫn các đơn vị rà soát, đánh giá lại chức năng, nhiệm vụ và xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị và của Viện Hàn lâm KH&CN.

Căn cứ pháp lý

- + Hiến pháp năm 2013;
- + Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;
- + Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
- + Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ về cơ quan thuộc Chính phủ; Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP;
- + Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- + Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045;

+ Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW;

+ Công văn số 732/BNV-TCBC ngày 18/12/2024 của Bộ Nội vụ về thực hiện kết luận tại Phiên họp thứ tư của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

- Mục đích ban hành:

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KH&CN, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng Viện Hàn lâm trở thành trung tâm nghiên cứu ngang tầm các nước tiên tiến, có đủ năng lực, điều kiện để giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu, đóng góp của đội ngũ trí thức theo tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW.

Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong của Viện Hàn lâm KH&CN, bảo đảm giảm đầu mối các đơn vị thuộc Viện Hàn lâm theo đúng yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 Điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, cụ thể như sau:

- Về vị trí, chức năng (Điều 1): Giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 106/2022/NĐ-CP.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn (Điều 2): Về cơ bản giữ nguyên theo quy định tại Nghị định số 106/2022/NĐ-CP.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Hàn lâm KH&CN đã được quy định rõ ràng, cụ thể, không trùng lặp, chồng chéo với các bộ, ngành khác, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Để phù hợp với thực tiễn, tại Nghị định đề xuất sửa đổi:

+ Bổ sung trước khoản 1 Điều 2 nội dung như sau:

"Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 và Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ, cùng với các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây..." để bảo đảm đầy đủ.

+ Bổ sung cụm từ "khoa học sự sống" tại điểm a khoản 2 Điều 2, cụ thể: "Nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên và phát triển công nghệ trong các lĩnh vực: Toán học; vật lý; hóa học; sinh học; công nghệ sinh học; công nghệ thông tin; điện tử, tự động hóa; công nghệ vũ trụ; khoa học vật liệu; đa dạng sinh học và các chất có hoạt tính sinh học; khoa học trái đất; khoa học sự sống; khoa học và công nghệ biển; môi trường và năng lượng; dự báo, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai..."

Trong giai đoạn hiện nay, Viện Hàn lâm KH&CN cần chú trọng nghiên cứu các công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 (Quyết định số 2289/2020/QĐ-TTg) và Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023.

- Về cơ cấu tổ chức (Điều 3): Theo Nghị định số 106/2022/NĐ-CP, cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm KH&CN gồm 38 đơn vị, trong đó:

- + 05 đơn vị chuyên môn giúp việc Chủ tịch Viện;
- + 28 tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
- + 08 đơn vị sự nghiệp khác.

Viện Hàn lâm KH&CN đã rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức, bảo đảm không có sự chồng chéo, trùng lặp, đồng thời tinh gọn, ổn định để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thực hiện tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ, Viện Hàn lâm KH&CN đề xuất:

Giảm 14 đơn vị trên tổng số 38 đơn vị, tương ứng giảm 36,84% đầu mỗi trực thuộc.

Sắp xếp tổ chức bên trong các đơn vị trực thuộc (giảm tối thiểu 15% - 20% đầu mỗi tổ chức bên trong).

Cụ thể phương án sắp xếp:

(i) Chấm dứt hoạt động 01 đơn vị: Viện Cơ học và Tin học ứng dụng → Chuyển chức năng, nhiệm vụ và nhân sự phù hợp về Viện Cơ học, Viện Công nghệ thông tin, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng và Viện Công nghệ hóa học.

(ii) Hợp nhất các đơn vị:

Viện Địa chất, Viện Địa chất và Địa vật lý biển, Viện Địa lý và Viện Vật lý địa cầu → Viện Các Khoa học Trái Đất;

Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên và Viện Công nghệ hóa học → Viện Khoa học sự sống;

Viện Công nghệ sinh học, Viện Nghiên cứu hệ Gen và Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật → Viện Sinh học;

(iii) Sáp nhập các đơn vị:

Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên và Viện Hóa sinh biển → Viện Hóa học

Viện Công nghệ vũ trụ → Trung tâm Vũ trụ Việt Nam

Viện Kỹ thuật nhiệt đới → Viện Khoa học vật liệu

Viện Tài nguyên và Môi trường biển → Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

Trung tâm Tin học và Tính toán → Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao

(iv) Kiện toàn 02 đơn vị, đổi tên:

Viện Khoa học vật liệu ứng dụng → Viện Công nghệ tiên tiến

Trung tâm Thông tin - Tư liệu → Trung tâm Dữ liệu và Thông tin khoa học

Kiện toàn 02 đơn vị, giữ nguyên tên gọi:

Viện Cơ học: Tiếp nhận một phần chức năng, nhiệm vụ của Viện Cơ học và Tin học ứng dụng, tái cơ cấu tổ chức bên trong.

Viện Công nghệ thông tin: Tiếp nhận một phần chức năng của Viện Cơ học và Tin học ứng dụng, điều chỉnh một phần chức năng về Trung tâm Dữ liệu và Thông tin khoa học.

(v) Duy trì 05 đơn vị tham mưu giúp việc Chủ tịch Viện và 07 đơn vị trực thuộc:

05 đơn vị chuyên môn giúp việc Chủ tịch Viện: Ban Tổ chức - Cán bộ và Kiểm tra; Ban Kế hoạch - Tài chính; Ban Hợp tác quốc tế; Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ; Văn phòng.

07 đơn vị trực thuộc (được kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bên trong): Viện Toán học; Viện Vật lý; Viện Hải dương học; Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam; Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ; Học viện Khoa học và Công nghệ; Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

Kết quả sau sắp xếp: Tổng số đơn vị trực thuộc giảm từ 38 xuống 24 (giảm 36,84%).

- Về Lãnh đạo Viện Hàn lâm (Điều 4): Giữ nguyên như Nghị định số 106/2022/NĐ-CP.

- Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 5): Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại được tiếp tục hoạt động đến khi Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị mới sau khi sắp xếp, tổ chức lại theo quy định, thời hạn chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2025.

- Về hiệu lực và trách nhiệm thi hành (Điều 6): Rà soát, biên tập để bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành.

8. Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Nghị định này thay thế Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

Tổng cục Thi hành án dân sự tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật cho đến khi Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết, mục đích

Cơ sự cần thiết, mục đích+ Ngày 09/11/2024, Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã ban hành Kế hoạch số 04-KH/BCĐ tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và Công văn số 05-CV/BCĐ ngày 13/11/2024 về hướng dẫn thực hiện tổng kết. Việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Đánh giá nghiêm túc, toàn diện về tình hình và kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Qua tổng kết, đề xuất phương án tinh gọn tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới.

+ Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW đã ban hành các văn bản chỉ đạo liên quan đến tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Trong đó, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ đã đưa ra định hướng về duy trì, hợp nhất, tổ chức lại về bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Theo Kế hoạch này, Chính phủ định hướng duy trì Bộ Tư pháp, bảo đảm tính ổn định, kế thừa và phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay. Đối với tổ chức bên trong bộ, cơ quan ngang Bộ, Chính phủ yêu cầu xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại, bảo đảm tinh gọn (giảm tối thiểu 15-20% đầu mối tổ chức bên trong), cơ bản không duy trì mô hình tổng cục thuộc Bộ.

+ Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định thể chế là một trong 3 đột phá chiến lược, nhấn mạnh khâu tổ chức thực hiện thể chế (“tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp”), thúc đẩy “đổi mới sáng tạo”, tăng cường “kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật”. Trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Tư pháp đang tiếp tục thực hiện nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu: *hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại...*

+ Tại Thông báo số 108-TB/TW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp đã nhấn mạnh từ Đại hội XI đến nay, Đảng ta đều xác định đột phá về thể chế, với trọng tâm pháp luật là đột phá chiến lược, có ý nghĩa then chốt để nắm bắt cơ hội, khơi thông, huy động mạnh mẽ nguồn lực cho phát triển, chăm lo cho Nhân dân. Để đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, sớm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu chiến lược mà Đảng đã đề ra, công tác xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn nóng bỏng đang đòi hỏi ở tầm cao mới, thật sự tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển, đồng chí Tổng Bí thư đã yêu cầu triển khai việc nghiên cứu, đề xuất *đổi mới mạnh mẽ quy trình xây dựng pháp luật với 03 bảo đảm: bảo đảm dân chủ, minh bạch, kịp thời, khả thi, hiệu quả, để áp dụng trên thực tế, tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao “năng suất và chất lượng” xây dựng pháp luật; bảo đảm đánh giá tác động chính sách thực chất; bảo đảm thực hiện cơ chế tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đối tượng chịu tác động là người dân, doanh nghiệp, không để lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ, không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thiết kế các quy định pháp luật; nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, thường xuyên đánh giá hiệu quả pháp luật sau ban hành; hoàn thiện các quy định giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật; phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư cách đạo đức tốt, thành thạo chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp...*

+ Tại Phát biểu tại Hội nghị Trung ương 10 Khoá XIII, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh chủ trương “*Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*”. Điều này đặt ra yêu cầu cho Bộ, ngành Tư pháp cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi chức năng, nhiệm vụ theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

+ Trong thời gian qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ đã và đang được sửa đổi, bổ sung⁴ dẫn đến yêu cầu về hoàn thiện nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp để đảm bảo tính thống nhất với các văn bản pháp luật chuyên ngành.

⁴ Luật Công chứng năm 2024; Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung năm 2024; Dự thảo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi (đang xây dựng); Nghị định số 26/2024/NĐ-CP ngày 01/3/2024 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế...

Đhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp để đảm bảo tính thống nhất với các văn bản pháp luật chuyên ngành.a đổi, bổ sungnh phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. hất lượng” x Thủ tướng Chính phủ với tinh thần khẩn trương hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức để đảm bảo đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật để đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Cơ sm vụ, quyền Theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Bộ Tư pháp đã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện công tác tổng kết với tinh thần chủ động, quyết liệt, chặt chẽ, đúng nguyên tắc, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm dân chủ.⁵ Qua tổng kết, chức năng, nhiệm vụ và mô hình tt, chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác tổng kết với tinh thần chủ động, quyết liệt, chặt chẽ, đúng nguyên tắc, bảo đ+ Kết quả đạt được

(i) V) quả đạt đượcức năng, nhiệm vụ triển:

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp ngày càng thể hiện rõ vai trò, vị trí trên các lĩnh vực công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật, quản lý nhà nước các lĩnh vực công tác tư pháp và dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành; bảo đảm theo đúng nguyên tắc tổ chức đa ngành, đa lĩnh vực, không chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ với các bộ, ngành khác; tăng cường phân công, phân cấp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước và xã hội hóa, từng bước chuyển giao việc cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực tư pháp cho các các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện và nâng cao vai trò tự quản của các tổ chức nghề nghiệp trong các lĩnh vực. Tổ chức các đơn vị thuộc Bộ được kiện toàn, phát triển và sắp xếp theo yêu cầu nhiệm vụ của Bộ, ngành trong từng giai đoạn gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương thức làm việc; kiên quyết giải thể các đơn vị hoạt động không hiệu quả. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp đã góp phần quan trọng vào công tác hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hội nhập quốc tế.

(ii) Về cơ cấu tổ chức:

⁵ Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2194/QĐ-BTP ngày 18/11/2024 về thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW và Quyết định số 1994/QĐ-BTP ngày 23/10/2024 về Kế hoạch tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp trong 04 nhiệm kỳ Chính phủ.

Theo Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp và Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp tiếp tục được rà soát, sắp xếp, bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy và hoạt động hiệu quả, cụ thể:

Đối với các đơn vị hành chính thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước của Bộ, đã thực hiện sáp nhập Vụ Thi đua - Khen thưởng vào Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Công tác phía Nam vào Văn phòng Bộ. Số lượng các đơn vị hành chính của Bộ còn 20 đơn vị; các Phòng thuộc Vụ, Cục tiếp tục được thu gọn, giảm bớt 07 cấp Phòng còn 70 phòng (có 03 đơn vị đã cắt giảm đầu mỗi đơn vị cấp phòng).

Đồng thời, thực hiện Quy định số 123-QĐ/TW ngày 26/9/2023 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Bộ Tư pháp đã thực hiện kết thúc hoạt động của Văn phòng Đảng - Đoàn thể và thành lập Văn phòng Đảng ủy Bộ, chuyển các cán bộ chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể của Bộ về sinh hoạt hành chính tại Văn phòng Bộ Tư pháp.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Bộ Tư pháp đã thực hiện rà soát, sắp xếp các ĐVSNNCL thuộc Bộ Tư pháp đảm bảo phù hợp mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và Quyết định số 1030/QĐ-TTg⁶ của Thủ tướng Chính phủ với kết quả cụ thể: giai đoạn 2017-2021, Bộ Tư pháp đã thực hiện sắp xếp các ĐVSNNCL theo hướng giảm các đơn vị sự nghiệp xuống còn 19 đơn vị (tương đương đã giảm 13,6% đơn vị), trong đó có 10 đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ và 09 đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục, Cục thuộc Bộ.⁷ Bên cạnh đó, theo Quyết định số 1030/QĐ-TTg, 03 Trường Trung cấp Luật đã được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Luật miền Bắc, Trường Cao đẳng Luật miền Trung, Trường Cao đẳng Luật miền Nam vào năm 2020 để đáp ứng nhu cầu đào tạo luật và phát triển nhân lực của ngành Tư pháp.

Giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Bộ Tư pháp duy trì 17 ĐVSNNCL (giảm 02 đơn vị so với giai đoạn trước) và đang thực hiện thủ tục giải thể 01 đơn vị sự nghiệp (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng

⁶ Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 16/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tư pháp đến năm 2021, định hướng đến năm 2030.

⁷ Giải thể Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột (năm 2019), Trung tâm Thông tin, hỗ trợ pháp luật thuộc Cục Công tác phía Nam (năm 2021); chuyển giao Trường Trung cấp Luật Tây Bắc về UBND tỉnh Sơn La quản lý (năm 2022).

và mua sắm tài sản tập trung thuộc Cục Kế hoạch - Tài chính), tương đương sẽ giảm 16% đơn vị sự nghiệp trong giai đoạn này.

Cùng với việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp, Bộ Tư pháp đã quan tâm đẩy mạnh tự chủ về tài chính, giảm tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp. Đến ngày 31/10/2024, Bộ có: 05/17 đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (tăng 05 đơn vị tự chủ chi đầu tư so với năm 2017); 03/17 đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; 07/17 đơn vị bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên và 02/17 đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên (giảm 03 đơn vị so với năm 2017). Kết quả đẩy mạnh tự chủ về tài chính trong các ĐVSNCL đã vượt chỉ tiêu theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW⁸.

Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị đã được phân định rõ ràng, không có sự trùng lặp, chồng chéo; phương thức và lề lối làm việc khoa học hơn, mở rộng dân chủ, phân cấp quản lý được đẩy mạnh đi đôi với việc tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong thực hiện.

+ M.2. hi sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bên cạnh những kết quả đã đạt được, một số nội dung kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ cũng cần tiếp tục thực hiện như rà soát, tổ chức lại việc thực hiện một số nhiệm vụ của Bộ trong lĩnh vực công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật để đáp ứng yêu cầu đổi mới quy trình xây dựng và tăng cường công tác tổ chức thi hành pháp luật theo chủ trương của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay; còn đơn vị thuộc Bộ phụ trách đơn lĩnh vực; các cơ sở đào tạo cao đẳng luật hoạt động chưa thực sự hiệu quả, mức độ tự chủ về tài chính còn thấp (mới đạt khoảng 50-60% tự chủ chi thường xuyên).

Những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, đặc biệt là trong bối cảnh thực hiện định hướng, chủ trương của Đảng và chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về đổi mới quy trình xây dựng pháp luật theo hướng chuyên nghiệp hóa đã đặt ra những yêu cầu mới đối với việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức lại một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp để thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh-gọn-mạnh-hiệu năng-hiệu lực-hiệu quả, trong đó tập trung

⁸ Nghị quyết số 19-NQ/TW đặt ra mục tiêu: phấn đấu đến năm 2021 giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các ĐVSNCL so với giai đoạn 2011 - 2015.

nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật nhằm góp phần thực hiện thắng lợi yêu cầu xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

- Mục đích ban hành:

+ Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực nhằm xây dựng Bộ, ngành Tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, quản lý thông suốt từ Trung ương đến địa phương, trên cơ sở phân cấp, phân quyền hợp lý, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

+ Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong của Bộ Tư pháp, bảo đảm giảm tối thiểu 15-20% đầu mối các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp theo đúng yêu cầu của Ban Chỉ đạo của Chính phủ.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 Điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

- V. định về vị trí, chức năng:

Quy định về vị trí, chức năng của Bộ Tư pháp được kế thừa và thể hiện lại theo hướng khái quát hơn các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đã được quy định tại Điều 1 Nghị định số 98/2022/NĐ-CP, cụ thể: Bộ Tư pháp có chức năng quản lý nhà nước về: Xây dựng pháp luật; tổ chức thi hành pháp luật; thi hành án dân sự; hành chính tư pháp; hỗ trợ tư pháp; công tác pháp chế; quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

- Về cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn (Điều 2):

Về cơ bản, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp tại Điều 2 của Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa Điều 2 của Nghị định số 98/2022/NĐ-CP phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp. Nghị định có chỉnh sửa một số nội dung để cập nhật các văn bản mới được ban hành hoặc đã được báo cáo Chính phủ, Quốc hội nhất trí chủ trương sửa đổi, bổ sung như Luật Ban hành văn bản QPPL, Luật Hỗ trợ tư pháp về dân sự... Đồng thời, Bộ Tư pháp đã cơ cấu lại nội dung của Điều 2 theo các lĩnh vực công tác của

Bộ tương ứng với các nội dung được điều chỉnh về chức năng tại Điều 1 Nghị định, cụ thể như sau:

+ Đối với nhiệm vụ trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, điều chỉnh việc thực hiện một số nhiệm vụ theo hướng tăng cường phân cấp thực hiện cho địa phương (khoản 9 Điều 2), cụ thể: phân cấp cho địa phương thực hiện tất cả việc cấp phép thành lập tổ chức hành nghề trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo quy định, kể cả thành lập văn phòng luật sư nước ngoài; phân cấp cho địa phương cấp chứng chỉ hành nghề/bổ nhiệm các chức danh hỗ trợ tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp, trừ cấp, thu hồi chứng chỉ luật sư, bổ nhiệm công chứng, thừa phát lại.

+ Đối với nhiệm vụ trong lĩnh vực hành chính tư pháp, cơ cấu gồm các lĩnh vực cụ thể là hộ tịch, quốc tịch và nuôi con nuôi.

+ Đối với nhiệm vụ trong lĩnh vực lý lịch tư pháp: Thực hiện chuyển toàn bộ nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công về cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ Bộ Tư pháp sang Bộ Công an⁹.

- V Bộ Tư pháp sang Bộ Công :

Nghị định quy định 20 đơn vị thuộc Bộ, gồm các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp của Bộ. Cụ thể:

+ Đối với tổ chức hành chính:

(i) Tổ chức lại Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật thành Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Tổ chức lại Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật thành Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có chức năng, nhiệm vụ: (i) Quản lý nhà nước về xây dựng văn bản QPPL (xây dựng Luật Ban hành văn bản QPPL, chương trình xây dựng luật, pháp lệnh...); (ii) Soạn thảo văn bản QPPL trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp theo phân công của Bộ trưởng; (iii) Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng soạn thảo văn bản QPPL cho cán bộ pháp chế bộ, ngành và địa phương; (iv) Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật soạn thảo văn bản QPPL và phối hợp xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp soạn thảo văn bản QPPL.

⁹ Theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo về Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ tại Công văn số 06/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 về bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Việc tổ chức lại Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn như sau: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra yêu cầu nhiệm vụ: “*tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả*”. Gần đây, tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV và Thông báo số 108-TB/TW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh yêu cầu cần đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp; chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, “*phân định quy trình xây dựng chính sách và quy trình quy phạm hóa chính sách... Nghiên cứu việc tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung*”. Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Bộ Tư pháp được giao chủ trì, nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Ban hành văn bản QPPL theo đúng các chủ trương, định hướng của Đảng; đồng thời, triển khai các công việc cần thiết để nâng cao năng lực cho các đơn vị thuộc Bộ trong việc tham gia xây dựng, thẩm định, góp ý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác xây dựng, soạn thảo văn bản QPPL nhằm góp phần nâng cao chất lượng văn bản QPPL khi được ban hành.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, Bộ Tư pháp đề xuất tổ chức lại Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật thành Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và phân công nhiệm vụ cho đơn vị này tập trung cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng văn bản QPPL, công tác soạn thảo văn bản, chuyển một số nhiệm vụ có tính chất tổ chức thi hành pháp luật sang Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm phân công rõ hơn hai nhóm nhiệm vụ về xây dựng pháp luật và nhiệm vụ về tổ chức thi hành pháp luật do Bộ Tư pháp đang đảm nhận. Để bảo đảm tính khả thi, việc phân công nhiệm vụ cho Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sẽ có lộ trình. Trước mắt, sau khi phân công lại nhiệm vụ, Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sẽ thực hiện việc soạn thảo văn bản QPPL trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp theo phân công của Bộ trưởng, gắn với việc tăng cường thực hiện công tác hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để hướng tới nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng văn bản tại khâu soạn thảo văn bản QPPL.

(ii) Hợp nhất các đơn vị

Thực hiện định hướng của Chính phủ về rà soát, sắp xếp, kiện toàn các tổ chức thuộc Bộ theo hướng tinh gọn, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, Bộ Tư pháp đã hợp nhất một số đơn vị trên cơ sở đánh giá về chức năng, nhiệm vụ có mối liên hệ với nhau, khi hợp nhất có thể hỗ trợ cho nhau để thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm giảm đầu mối và phù hợp với nguyên tắc tổ chức các đơn vị đa ngành, đa lĩnh vực. Cụ thể như sau:

Hợp nhất Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật và Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thành *Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính*.

Hợp nhất Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Cục Trợ giúp pháp lý thành *Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý*.

Hợp nhất Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và Vụ Con nuôi thành *Cục Hành chính tư pháp*; chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về chứng thực sang Cục Hỗ trợ tư pháp.

Hợp nhất Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm và Cục Bồi thường nhà nước thành *Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước*.

(iv) Tổ chức lại Tổng cục THADS thành Cục Quản lý thi hành án dân sự

Căn cứ Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18, Ban Chỉ đạo của Chính phủ đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại, bảo đảm tinh gọn, *cơ bản không duy trì mô hình tổng cục thuộc Bộ*, để thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao thống nhất quản lý nhà nước về THADS trong phạm vi cả nước, Bộ Tư pháp đề xuất tổ chức lại Tổng cục Thi hành án dân sự (THADS) thành Cục Quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp với các tổ chức bên trong là phòng và tương đương được tổ chức từ các vụ và tương đương thuộc Tổng cục THADS, đồng thời giảm 01 đầu mối, tương đương giảm 12,5%.

Ở địa phương, tổ chức lại 63 Cục THADS cấp tỉnh thành cơ quan THADS cấp tỉnh (tương đương cấp chi cục) trực thuộc Cục Quản lý THADS, với cơ cấu bên trong có phòng, tương đương (sau khi sắp xếp, giảm 59 phòng, tương đương giảm 22%); sắp xếp, cơ cấu lại 694 Chi cục THADS còn 427 cơ quan THADS cấp huyện hoặc khu vực liên huyện (tương đương đội), giảm 38,5%. Việc sắp xếp

trên đã đúng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về cơ bản không duy trì mô hình tổng cục thuộc Bộ và tỉ lệ đơn vị giảm sau khi sắp xếp¹⁰.

(v) Gìn đã đúng chỉ đạo c

Các đơn vị xây dựng pháp luật, gồm: Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Vụ Pháp luật quốc tế.

Các đơn vị tham mưu tổng hợp chung, gồm: Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế, Văn phòng, Cục Kế hoạch - Tài chính, Thanh tra Bộ như hiện nay (theo định hướng tại Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18).

Giữ nguyên các đơn vị và có điều chuyển nhiệm vụ để đảm bảo sự gắn kết trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc phạm vi chức năng của Bộ: (1) Cục Bổ trợ tư pháp: Chuyển nhiệm vụ quản lý về thừa phát lại sang Cục Quản lý thi hành án dân sự; bổ sung nhiệm vụ quản lý nhà nước về chứng thực từ Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; (2) Cục Công nghệ thông tin: chuyển nhiệm vụ về quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp sang Báo Pháp luật Việt Nam (theo định hướng tại Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18).

(vi) Sắp xếp phòng thuộc vụ, cục, văn phòng, thanh tra

Cùng với việc hợp nhất các đơn vị thuộc Bộ, Bộ Tư pháp đã thực hiện rà soát, sắp xếp cấp phòng thuộc các Vụ, Cục, Văn phòng, Thanh tra Bộ theo hướng thu gọn đầu mối, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức cấp phòng để khắc phục những vấn đề còn giao thoa. Dự kiến, Bộ Tư pháp giảm số lượng cấp Phòng trong các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ tại Nghị định này từ **133 cấp Phòng** còn **115 cấp Phòng**, tương ứng với **tỷ lệ giảm 13,5%**.

Đối với các phòng thuộc Vụ: Kế thừa Nghị định số 98/2022/NĐ-CP, Nghị định quy định Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có 03 phòng, Vụ Pháp luật hình sự - hành chính có 03 phòng, Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế có 04 phòng, Vụ Pháp luật quốc tế có 04 phòng, Vụ Tổ chức cán bộ có 05 phòng, Vụ Hợp tác quốc tế có 03 phòng đáp ứng tiêu chí thành lập phòng theo quy định của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.

¹⁰ Căn cứ Công văn số 06/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Báo cáo số 3792-BC/BCSDCP ngày 31/12/2024 của Ban cán sự đảng Chính phủ về tình hình, tiến độ triển khai tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

Bộ Tư pháp đề nghị Chính phủ cho phép tiếp tục duy trì phòng thuộc một số Vụ đặc thù có quy mô từ 30 biên chế trở lên, nhiều mảng công việc và có chức năng xây dựng pháp luật, quản trị nhân sự, hoặc tham gia đàm phán quốc tế. Việc duy trì cấp phòng đối với các đơn vị nêu trên đáp ứng quy định về thành lập phòng thuộc Vụ tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 101/2020/NĐ-CP. Duy trì cấp phòng ở các Vụ tham mưu đa ngành, đa lĩnh vực là rất cần thiết để đảm bảo tính chuyên sâu, chuyên môn hóa cao và tổ chức thực hiện công việc chuyên nghiệp, hiệu quả hơn.

Qua thời gian tổ chức cấp phòng ở các Vụ, đã cho thấy mô hình này phù hợp với tính chất công việc của các Vụ thuộc Bộ Tư pháp là đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về xây dựng pháp luật, chủ yếu tập trung vào công tác thẩm định, góp ý, nghiên cứu chính sách, pháp luật để phục vụ cho công tác của Bộ Tư pháp và công tác hoàn thiện thể chế chung của Chính phủ. Trong bối cảnh Bộ Tư pháp đang thực hiện nhiệm vụ chính trị về hoàn thiện thể chế theo yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, khối lượng công tác xây dựng, thẩm định, tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ ngày càng tăng về số lượng và tính phức tạp, công tác tham mưu cho lãnh đạo vụ ngày càng đòi hỏi tính chuyên sâu trong từng lĩnh vực chuyên môn sẽ gây áp lực lớn cho lãnh đạo cấp vụ, khó khăn cho việc kiểm soát tiến độ, chất lượng công việc. Do vậy, cấp Phòng đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức thực hiện công việc và sàng lọc, kiểm soát chất lượng của các công việc chuyên môn, cấp phòng có tính chất là trung gian để bảo đảm tham mưu, giúp Lãnh đạo Vụ quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các công việc được bao quát, thông suốt, bài bản. Đồng thời, việc duy trì cấp phòng để tạo môi trường đào tạo, rèn luyện công chức trong vai trò lãnh đạo, quản lý trước khi có thể bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo cao hơn; là hình thức ghi nhận sự đóng góp, tạo động lực và khuyến khích phấn đấu, rèn luyện của công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

(vii) Đ.2. thực hiện nhiệm vụ được giao

Giữ nguyên 05 đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ gồm: Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý, Học viện Tư pháp, Báo Pháp luật Việt Nam (tiếp nhận nhiệm vụ quản lý và vận hành Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp từ Cục Công nghệ thông tin) và Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, phù hợp với định hướng tại Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ.

Chuyển giao Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia về Bộ Công an (sau khi chuyển toàn bộ nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp sang Bộ Công an).

Ngoài các đơn vị sự nghiệp công lập trong cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp, các đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc Bộ Tư pháp theo Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ sẽ giữ nguyên, bao gồm: Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà Xuất bản Tư pháp và 03 Trường Cao đẳng Luật (trong đó 03 Trường Cao đẳng Luật chỉ giữ nguyên trong thời gian trước mắt và định hướng sẽ nghiên cứu, xây dựng Đề án để chuyển giao về địa phương quản lý trong thời gian 03 - 05 năm tiếp theo).

Như voài kết quả sau sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp như sau:

Các đơn vị trong cơ cấu tổ chức của Bộ theo Nghị định số 98/2022/NĐ-CP: Còn 20/25 đơn vị. Giảm 05 đơn vị (tỷ lệ 20%), trong đó đã tổ chức lại 01 Tổng cục thành Cục; giảm 03 Cục, 01 Vụ và 01 đơn vị sự nghiệp.

Các đơn vị ngoài cơ cấu tổ chức của Bộ theo Nghị định số 98/2022/NĐ-CP (05 đơn vị sự nghiệp): Trước mắt chưa giảm theo chủ trương chung của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tạm thời giữ nguyên các trường cao đẳng và sẽ nghiên cứu, xây dựng Đề án để chuyển giao về địa phương quản lý đối với 03 Trường Cao đẳng Luật trong thời gian 03-05 năm tiếp theo.

- Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 4)

Việc sắp xếp hệ thống cơ quan thi hành án dân sự từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện rất lớn, phức tạp với với tinh thần tinh gọn đã kiện toàn theo hướng khu vực theo định hướng của Chính phủ. Đồng thời, việc sắp xếp hệ thống cơ quan thi hành án dân sự cần bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với hệ thống các cơ quan tổ tụng có liên quan như tổ chức tòa án và viện kiểm sát. Hiện nay, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao đang nghiên cứu xây dựng phương án sắp xếp tổng thể hệ thống tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân (Bộ Tư pháp chưa có thông tin cụ thể về lộ trình thực hiện).

Chính vì vậy, việc sắp xếp hệ thống thi hành án cần thêm thời gian so với việc tổ chức lại các vụ, cục khác thuộc Bộ để đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện và đồng bộ với mô hình tổ chức của hệ thống tòa án và viện kiểm sát trong thời gian tới, tiết kiệm chi phí không phải tổ chức lại. Vì lý do trên, Bộ Tư pháp đề xuất quy định điều khoản chuyển tiếp đối với Tổng cục Thi hành án dân sự tại Điều 4 của Nghị định theo hướng: “*Tổng cục Thi hành án dân sự tiếp tục*

thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật cho đến khi Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành”. Bộ Tư pháp sẽ phối hợp chặt chẽ với Tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao để xác định thời gian cụ thể, phù hợp ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thi hành án dân sự bảo đảm hoạt động thi hành án dân sự thông suốt, đồng bộ với hệ thống tổ chức mới của các cơ quan tổ tụng và cơ quan liên quan.

- Về hiệu lực thi hành (Điều 5): Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025. Nghị định này thay thế Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

- Về Trách nhiệm thi hành (Điều 6): Bộ trưởng Bộ Tư pháp, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

9. Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025; thay thế Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.

Bãi bỏ Điều 1 Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Cơ quan Quản lý thị trường các cấp tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật hiện hành đến khi chuyển giao Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh thuộc Tổng cục Quản lý thị trường về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Bộ Công Thương chuyển giao nguyên trạng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh thuộc Tổng cục Quản lý thị trường về Ủy ban nhân

dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thành lập Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 6 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Thực hiện Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

Theo đó, Ban Chỉ đạo Chính phủ chỉ đạo sắp xếp, tổ chức lại các Bộ, ngành, cơ quan như sau:

+ Đối với việc sắp xếp, hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ hoặc kết thúc hoạt động các Bộ, ngành, cơ quan: Giao các Bộ, ngành, cơ quan chủ động phối hợp xây dựng đề án, phương án cụ thể, đề xuất sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế (hoặc kết thúc hoạt động) theo yêu cầu định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ.

+ Đối với tổ chức bên trong: Giao các bộ, cơ quan ngang bộ chủ động xây dựng phương án kiện toàn, sắp xếp, tổ chức lại các tổng cục, vụ, cục, đơn vị sự nghiệp thuộc bộ, cơ quan ngang bộ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan ngang bộ theo phương án được sắp xếp, bảo đảm phù hợp với các nội dung định hướng chung của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ (kèm theo dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ theo phương án sắp xếp).

+ Về trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể: Ban Chỉ đạo Chính phủ giao các Bộ, ngành: Tư pháp, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ chủ động xây dựng phương án sắp xếp, cơ cấu lại và giảm mạnh tổ chức bên trong để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ (kèm theo dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng bộ, cơ quan ngang bộ).

+ Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Chính phủ về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, căn cứ quy định tại Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và các quy định có liên quan, Bộ Công Thương đã xây dựng đề án sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công Thương, trên cơ sở đó xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, thay thế Nghị định số 96/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Mục đích ban hành: Sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công Thương theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 Điều Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

- Về vị trí và chức năng (Điều 1):

Nghị định số 40/2025/NĐ-CP giữ nguyên chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương như quy định tại Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; đồng thời bổ sung thêm chức năng quản lý nhà nước về “sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” theo quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Cụ thể: Bộ Công Thương là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại, bao gồm các ngành và lĩnh vực: Điện, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp cơ khí, công nghiệp luyện kim, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp môi trường, công nghiệp công nghệ cao (không bao gồm công nghiệp công nghệ thông tin và công nghiệp công nghệ số); cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khuyến công; thương mại trong nước; xuất nhập khẩu, thương mại biên giới; dịch vụ logistics; phát triển thị trường ngoài nước; quản lý thị trường; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; phòng vệ thương mại; các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

- Về nhiệm vụ và quyền hạn (Điều 2):

Về cơ bản, Nghị định số 40/2025/NĐ-CP tiếp tục kế thừa các quy định của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Bên cạnh đó, Nghị định số 40/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung các nội dung tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 về lĩnh vực điện lực, năng lượng mới, năng lượng tái tạo theo quy định của Luật Điện lực năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/02/2025).

+ Bổ sung nhiệm vụ tại khoản 12 Điều 2: *“Thực hiện nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành xây dựng trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng”*, để bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 163 Luật Xây dựng năm 2014 sửa đổi bổ sung năm 2020. Bổ sung nhiệm vụ tại khoản 22 Điều 2: *“Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.”*, để bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 15 Luật Giá năm 2023.

+ Sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý thị trường tại khoản 20 Điều 2 để phù hợp với chủ trương kết thúc mô hình hoạt động của Tổng cục Quản lý thị trường theo ngành dọc và chuyển giao 63 Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường về UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Tiếp tục kế thừa và cơ cấu lại các nội dung trong Nghị định số 96/2022/NĐ-CP thành nhiệm vụ tại khoản 32 Điều 2 về chuyển đổi xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển bền vững, sản xuất và tiêu dùng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu trong ngành Công Thương, để làm rõ nội hàm về “chuyển đổi xanh” và để phù hợp với bối cảnh, tình hình mới.

- Về cơ cấu tổ chức (Điều 3):

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo Chính phủ về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Bộ Công Thương đã tiến

hành đánh giá tổng kết việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương trong 4 nhiệm kỳ (từ khóa XII đến khóa XV); tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Trên cơ sở kết quả đánh giá, tổng kết, Bộ Công Thương đã xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công Thương; sau khi sắp xếp, cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương còn 22 đơn vị, giảm 06 đơn vị, tương ứng 21,4%. Cụ thể như sau:

+ Kết thúc hoạt động của Tổng cục Quản lý thị trường. Thành lập Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy cơ quan Tổng cục Quản lý thị trường và Vụ Thị trường trong nước; chuyển giao 63 Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường về UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

+ Hợp nhất Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và Cục Điều tiết điện lực, thành Cục Điện lực.

+ Hợp nhất Cục Công Thương địa phương, Vụ Tiết kiệm và Phát triển bền vững, Vụ Khoa học và Công nghệ, thành Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

+ Hợp nhất Vụ Thị trường châu Á – châu Phi và Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ, thành Vụ Phát triển thị trường nước ngoài.

+ Sáp nhập Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Công Thương Trung ương vào Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương.

+ Đổi tên Vụ Kế hoạch - Tài chính thành Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp.

+ Tiếp tục duy trì 16 đơn vị như quy định tại Nghị định số 96/2022/NĐ-CP: Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Chính sách thương mại đa biên, Vụ Dầu khí và Than, Ủy ban Cạnh tranh quốc gia, Cục Công nghiệp, Cục Phòng vệ thương mại, Cục Xúc tiến thương mại, Cục Xuất nhập khẩu, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Cục Hóa chất, Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương. Đối với các Cục và tương đương, Bộ Công Thương tiếp tục chỉ đạo rà soát, sắp xếp, đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, giảm các tổ chức bên trong.

Sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương tại Nghị định số 40/2025/NĐ-CP còn 22 tổ chức sau đây: Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp; Vụ Phát triển thị trường nước ngoài; Vụ Chính sách thương

mại đa biên; Vụ Dầu khí và Than; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Pháp chế; Thanh tra bộ; Văn phòng bộ; Ủy ban Cạnh tranh quốc gia; Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước; Cục Điện lực; Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; Cục Công nghiệp; Cục Phòng vệ thương mại; Cục Xúc tiến thương mại; Cục Xuất nhập khẩu; Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Cục Hóa chất; Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương; Báo Công Thương; Tạp chí Công Thương.

- Về hiệu lực thi hành (Điều 4):

Nghị định số 40/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2025, thay thế toàn bộ nội dung Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.

Đồng thời, Nghị định số 40/2025/NĐ-CP bãi bỏ Điều 1 Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 5): Nghị định số 40/2025/NĐ-CP quy định Cơ quan Quản lý thị trường các cấp tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật hiện hành đến khi chuyển giao Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh thuộc Tổng cục Quản lý thị trường về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Bộ Công Thương chuyển giao nguyên trạng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh thuộc Tổng cục Quản lý thị trường về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thành lập Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 6 năm 2025.

- Về trách nhiệm thi hành (Điều 6): Nghị định số 40/2025/NĐ-CP quy định các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

10. Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý

+ Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

+ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;

+ Nghị quyết số 56-NQ/TW ngày 25/11/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

+ Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW;

+ Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 phiên họp lần thứ nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII *"Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"*;

+ Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ theo Nghị quyết số 18-NQ/TW;

+ Công văn số 747/CV-BCĐTKNQ18 ngày 20/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ, giao Ủy ban Dân tộc xây dựng Đề án kết thúc hoạt động của Ủy ban Dân tộc, thành lập Bộ Dân tộc - Tôn giáo;

+ Thông báo Kết luận số 04/TB-BCĐTKNQ18 và Công văn số 06/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về bổ sung hoàn thiện Phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Theo đó thành lập Bộ Dân tộc và Tôn giáo trên cơ sở Ủy ban Dân tộc và tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về Tôn giáo từ Bộ Nội vụ.

- Mục đích ban hành:

+ Thành lập một Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; khẳng định vị trí, vai trò của cơ quan làm công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Phân công rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các Bộ, tránh việc chồng chéo nhiệm vụ giữa các cơ quan trung ương.

+ Cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, cụ thể như sau:

- Vị trí và chức năng (Điều 1);
- Nhiệm vụ và quyền hạn (Điều 2);
- Cơ cấu tổ chức (Điều 3);
- Hiệu lực thi hành (Điều 4);
- Trách nhiệm thi hành (Điều 5);

Phạm vi điều chỉnh Nghị định xác định phạm vi điều chỉnh, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực công tác dân tộc, công tác tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định của pháp luật.

Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ.

Nội dung cơ bản của Nghị định

- Về vị trí, chức năng (Điều 1)

Kế thừa và bổ sung vị trí, chức năng của Ủy ban Dân tộc đã được quy định tại Nghị định số 66/2022/NĐ-CP từ cơ quan ngang bộ thành Bộ thuộc của Chính phủ. Bổ sung chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

- Về nhiệm vụ và quyền hạn (Điều 2)

+ Cơ bản kế thừa và giữ nguyên các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Dân tộc theo Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 20/9/2022 của Chính phủ và bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo theo Nghị định số

63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

+ Các nhiệm vụ được sắp xếp theo nhóm: Từ khoản 1 đến khoản 5, Điều 2 là nhóm nhiệm vụ và quyền hạn chung của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; khoản 6 quy định các nhiệm vụ cụ thể về công tác dân tộc; khoản 7 quy định các nhiệm vụ về tín ngưỡng, tôn giáo (Kế thừa khoản 14 Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ); từ khoản 8 đến khoản 23 là các nhiệm vụ chung và quản trị nội bộ thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo; khoản 24 là các nhiệm vụ khác khi được phân công.

- Về cơ cấu tổ chức (Điều 3)

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và định hướng, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo của Trung ương, của Chính phủ về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Ủy ban Dân tộc đã tiến hành sắp xếp, kiện toàn lại các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, còn chồng chéo, trùng lặp về nhiệm vụ, đối tượng quản lý, hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả và đề xuất đơn vị mới đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Khi tiếp nhận Ban Tôn giáo Chính phủ về Ủy ban Dân tộc, cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo có 17 đơn vị cấp vụ và tương đương. Sau khi thực hiện phương án sắp xếp, kiện toàn như trên, cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo giảm 03 tổ chức cấp vụ (đạt 17,8%), gồm 14 tổ chức như sau:

- + Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- + Vụ Tổ chức cán bộ;
- + Vụ Pháp chế;
- + Vụ Hợp tác quốc tế;
- + Thanh tra;
- + Văn phòng;
- + Ban Tôn giáo Chính phủ;
- + Vụ Chính sách;
- + Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo;
- + Học viện Dân tộc;
- + Trung tâm Chuyển đổi số;

- + Báo Dân tộc và Phát triển;
- + Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo.

Các đơn vị quy định từ khoản (1) đến khoản (9) là các tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các đơn vị quy định từ khoản (10) đến khoản (13) là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Ban Tôn giáo Chính phủ là tổ chức cấp cục, cơ cấu tổ chức gồm 07 đơn vị cấp phòng; Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ có đơn vị cấp phòng theo quy định; Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo có 02 Bộ phận phụ trách địa bàn đóng trụ sở tại địa phương: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và thành phố Cần Thơ.

11. Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Ngày 15/11/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. Theo quy định tại Nghị định trên thì: Bộ Y tế là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về y tế, bao gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; thiết bị y tế; dược, mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số, sức khỏe sinh sản; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế có 21 đơn vị gồm: 18 tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước (06 Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, 10 Cục) và 03 đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ. So với thời điểm trước khi thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Bộ Y tế giảm từ 20 tổ chức hành chính xuống còn 18 tổ chức hành chính thuộc Bộ, giảm 01 Tổng cục (trong đó có 07 tổ chức cấp vụ và Văn phòng thuộc Tổng cục), giảm 02 Vụ thuộc Bộ, tăng 01 Cục thuộc Bộ Y tế.

Thực hiện Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo Chính phủ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về Kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn cơ cấu tổ chức của Chính phủ, theo đó, Bộ Y tế sẽ tiếp nhận chức năng quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương từ Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương. Ngày 10/12/2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 301/BLĐTBXH-TCCB gửi Bộ Y tế về Phương án chuyển giao tổ chức bộ máy và nhân sự từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sang Bộ Y tế, theo đó Bộ Y tế sẽ nhận 03 Cục (Cục Trẻ em, Cục Bảo trợ xã hội, Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội từ Bộ lao động - Thương binh và Xã hội).

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, căn cứ chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Chính phủ, thì việc xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế sau khi tiếp nhận chức năng quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và tiếp nhận nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương về Bộ Y tế (thay thế Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ) là rất cần thiết. Hơn nữa, việc tổ chức, sắp xếp lại các tổ chức hành chính thuộc Bộ Y tế và các tổ chức hành chính tiếp nhận từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là tất yếu, nhằm triển khai đồng bộ, khoa học sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Chính phủ và đảm bảo mục tiêu của Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, có cơ cấu tổ chức tinh gọn, hợp lý, hoạt động hiệu lực hiệu quả.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 5 Điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế, cụ thể như sau:

- Điều 1. Vị trí chức năng.
- Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn.
- Điều 3. Cơ cấu tổ chức.
- Điều 4. Hiệu lực thi hành.
- Điều 5. Trách nhiệm thi hành.

Các nội dung mới quy định chính của Nghị định:

- Về vị trí, chức năng: Bộ Y tế là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (trừ nhiệm vụ cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y, dược cổ truyền; dược, mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế và quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn: Bộ Y tế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, quy định của Chính phủ về chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và thực hiện 31 nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể; ngoài ra, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, do Thủ tướng Chính phủ phân công, ủy quyền và theo quy định của pháp luật.

- Về tổ chức bộ máy của Bộ Y tế:

Bộ Y tế có 17 tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước, bao gồm các đơn vị: Vụ Bảo hiểm y tế; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Pháp chế; Vụ Hợp tác quốc tế; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ; Cục Quản lý Khám, chữa bệnh; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền; Cục Quản lý Dược; Cục An toàn thực phẩm Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế; Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo; Cục Dân số; Cục Phòng bệnh; Cục Bà mẹ và Trẻ em; Cục Bảo trợ xã hội.

Các đơn vị sự nghiệp công lập, phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ gồm 3 đơn vị: Viện Chiến lược và Chính sách y tế; Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia; Báo Sức khỏe và Đời sống.

12. Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025, thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của

Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP.

- Đối với nội dung điều chuyển chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan liên quan đến thủ tục hành chính thì thực hiện theo nguyên tắc sau:

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

+ Các trường hợp đã được thẩm định, chấp thuận, phê duyệt, cấp giấy chứng nhận, giấy phép, chứng chỉ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục sử dụng theo các văn bản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trường hợp có thời hạn thì thực hiện đến khi hết hạn. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi thì thực hiện theo nhiệm vụ phân công theo quy định tại Nghị định này và quy định có liên quan.

- Khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước mà số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nhiều hơn số lượng tối đa theo quy định của pháp luật thì chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải theo đúng quy định.

- Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định sắp xếp tổ chức lại hệ thống các cơ quan thanh tra địa phương, thanh tra chuyên ngành thì tổ chức thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra và khung số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quy định tại Nghị định này được điều chỉnh tương ứng.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Triển khai Kết luận số 09-KL/TW ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW đã ban hành nhiều văn bản có định hướng về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (Văn bản số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024, Văn bản số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025, Văn bản số 35/CV-BCĐTKNQ18 ngày 23/01/2025) và yêu cầu các địa phương hoàn thành việc sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm đồng bộ với việc hoàn thành sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Do đó, để bảo đảm tính

cấp bách, kịp thời và liên thông trong quá trình sắp xếp các cơ quan chuyên môn ở địa phương đồng bộ với việc sắp xếp các bộ, ngành ở Trung ương, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chung đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định có 05 Chương với 26 Điều quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung, gồm 02 Điều (từ Điều 1 đến Điều 2), quy định về: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; nguyên tắc tổ chức.

- Chương II: Quy định về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm 08 điều (từ Điều 03 đến Điều 10), quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở và tiêu chí thành lập các tổ chức của sở; người đứng đầu, số lượng Phó Giám đốc sở và số lượng cấp phó của các tổ chức thuộc sở; chế độ làm việc của sở, thẩm quyền và trách nhiệm của Giám đốc sở; tổ chức sở được tổ chức thống nhất, tổ chức sở được tổ chức đặc thù; khung số lượng sở.

- Chương III: Quy định về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm 07 điều (từ Điều 11 đến Điều 17), quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng; người đứng đầu, số lượng Phó trưởng phòng; chế độ làm việc và trách nhiệm của Trưởng phòng; tổ chức phòng được tổ chức thống nhất, tổ chức phòng được tổ chức đặc thù; khung số lượng phòng và biên chế tối thiểu của phòng.

- Chương IV: Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm 06 Điều (từ Điều 18 đến Điều 23).

- Chương V: Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều (Điều 24 và Điều 26), quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

Những nội dung cơ bản của Nghị định

- Quy định về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Nghị định cơ bản kế thừa các quy định về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (từ Điều 3 đến Điều 10); đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định, cụ thể như sau:

+ Về cơ cấu tổ chức của sở (Điều 5)

(i) Các sở được tổ chức thống nhất, gồm: Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thanh tra; Văn phòng Ủy ban nhân dân. Trong đó, có 05 sở được hình thành từ việc hợp nhất từ 10 sở, ngành tương ứng với sắp xếp các Bộ ở Trung ương; 04 sở được giữ nguyên và tiếp nhận, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, gồm:

Sở Tài chính (Thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính); Sở Xây dựng (Thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng); Sở Nông nghiệp và Môi trường (Thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Sở Khoa học và Công nghệ (Thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ); Sở Nội vụ (Thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ); Sở Y tế: Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy tham mưu quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội; trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội (không thực hiện nhiệm vụ về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); quản lý sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em theo quy định từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo: Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy tham mưu quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Công Thương: Tiếp nhận nguyên trạng Cục quản lý thị trường địa phương từ Bộ Công Thương và tổ chức lại thành Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về báo chí và xuất bản từ Sở Thông tin và Truyền thông.

(ii) Các sở được tổ chức đặc thù, có 04 sở, gồm: Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Ngoại vụ; Sở Du lịch; Sở Quy hoạch – Kiến trúc. Trong đó có Sở Dân tộc và Tôn giáo được hình thành từ Ban Dân tộc tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và tổ

chức bộ máy tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo từ Sở Nội vụ, đổi tên thành Sở Dân tộc – Tôn giáo.

+ Về khung số lượng sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 10)

Quy định tổng số sở theo nguyên tắc sau:

(i) Đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức 15 sở. Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được quyết định việc thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất sở, bảo đảm phù hợp với đặc thù thành phố.

(ii) Đối với các tỉnh, thành phố khác được tổ chức không quá 14 sở.

- Đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

+ Về tổ chức các phòng (Điều 15, 16)

(i) Các phòng tổ chức thống nhất ở các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được tổ chức thống nhất có 09 phòng, gồm: Phòng Nội vụ; Phòng Tư pháp; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Y tế; Phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; Thanh tra huyện; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

(ii) Các phòng được tổ chức đặc thù có 03 phòng, gồm: Phòng Tài nguyên và Môi trường tại quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố, thành phố thuộc tỉnh; Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại huyện; Phòng Dân tộc và Tôn giáo.

Việc hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng theo nguyên tắc bảo đảm cơ bản tính tương đồng với sắp xếp các Sở, ngành ở cấp tỉnh và tinh gọn, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở cấp huyện.

+ Về khung số lượng phòng (Điều 17): Căn cứ quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định và yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, địa phương quyết định việc thành lập các phòng cho phù hợp, bảo đảm không vượt quá 10 phòng.

- Một số nội dung mới khác

+ Về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

Tiếp nhận nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Luật Thanh tra và Luật Giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, bảo đảm phù hợp với dự thảo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

Tiếp nhận nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền từ Ủy ban nhân dân cấp huyện, bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Luật Thanh tra và Luật Giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Bổ sung 01 điều khoản chuyển tiếp để quy định đối với nội dung điều chuyển chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan có liên quan đến thủ tục hành chính, việc thực hiện số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức, đơn vị trong quá trình thực hiện sắp xếp lại tổ chức do sáp nhập, hợp nhất và chủ trương tổ chức lại hệ thống thanh tra (theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII).

13. Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

Thời hạn sử dụng tài khoản được tạo lập bởi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử thực hiện theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở pháp lý

Ngày 28/3/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý; trong đó đã quy định cụ thể việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với: Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ xuất cảnh, nhập cảnh; người, người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền; công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh; tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến và rời cửa khẩu cảng; cấp thị thực tại các cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền và cửa

khẩu cảng do Bộ Quốc phòng quản lý; đồng thời, quy định việc cấp và hủy tài khoản cho người làm thủ tục truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện các thủ tục biên phòng điện tử đối với người, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh nêu trên.

Sau gần 5 năm triển khai thực hiện Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg đã đạt được một số kết quả quan trọng sau: Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh cho người, phương tiện, đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các hoạt động lưu thông cửa khẩu, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đồng thời đảm bảo công tác quản lý, kiểm soát về an ninh, trật tự đối với người và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu.

Ngày 20/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về tiếp tục đẩy mạnh, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp, chỉ đạo Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (điểm d khoản 1 Mục II Chỉ thị số 16/CT-TTg): *“Bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện chuyển đổi sang sử dụng VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ”*.

Tiếp đó, ngày 25/6/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2024/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử; tại khoản 3, khoản 4 và khoản 7 Điều 40 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP quy định:

+ “3. Tài khoản được tạo lập bởi Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh cấp cho cá nhân được sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024”;

+ “4. Tài khoản được tạo lập bởi Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh cấp cho cơ quan, tổ chức được sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025”;

+ “7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh bằng tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập, đã kết

nói, tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh”.

Để triển khai thực hiện Nghị định số 69/2024/NĐ-CP và Chỉ thị số 16/CT-TTg cần nghiên cứu, sửa đổi các quy định về cấp và huỷ tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử tại Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg theo hướng thay thế bằng sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử nhằm loại bỏ các thủ tục, giấy tờ không cần thiết, tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử, đảm bảo thống nhất trong việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ sở thực tiễn

Quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg, Bộ Quốc phòng đã phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu biên giới đất liền và cửa khẩu cảng tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng tới cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, quần chúng nhân dân trên địa bàn. Đồng thời, chỉ đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng ban hành Quy trình thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ, nhân viên Bộ đội Biên phòng làm việc tại các cửa khẩu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; phối hợp với cơ quan có liên quan triển khai các thủ tục biên phòng điện tử lên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử và kết nối thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền với Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện theo Cơ chế một cửa quốc gia.

Kết quả từ khi thực hiện Quyết định đến nay, Bộ Quốc phòng đã triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại tất cả các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền (tổng số 52 cửa khẩu); thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền cho trên 82 nghìn lượt người xuất cảnh, nhập cảnh. Thông qua việc triển khai thủ tục biên phòng điện tử cùng với những giải pháp đồng bộ về ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng mô hình kiểm soát mới tiên tiến, hiện đại đã rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục, tạo điều kiện thông thoáng, thuận lợi cho các đối tượng xuất nhập cảnh, thúc đẩy hoạt động lưu thông cửa khẩu, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đồng thời đảm bảo chặt chẽ về công tác kiểm soát an ninh đối với người và phương tiện xuất nhập cảnh qua cửa khẩu.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg vào thời điểm dịch Covid-19 bùng phát: Từ tháng 02/2020, Chính phủ Việt Nam và các nước có chung biên giới thực hiện các biện pháp hạn chế, tạm dừng hoạt động xuất nhập cảnh để phòng chống dịch bệnh, tạm dừng các hoạt động du lịch, vận tải hành khách qua biên giới, hoạt động vận tải hàng hóa phải áp dụng cơ chế đặc thù (người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hóa hai Bên không được phép đi sâu vào nội địa, chỉ được đến địa điểm giao nhận hàng hóa, điểm cách ly trong khu vực cửa khẩu...), đây là những đối tượng chính áp dụng thủ tục biên phòng điện tử theo quy định tại Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg. Đến tháng 01/2023, các hoạt động du lịch, vận tải qua biên giới từng bước khôi phục (riêng trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc đến ngày 31/12/2023, phía Trung Quốc mới cho phép khách du lịch theo Đoàn sang Việt Nam); bên cạnh đó, còn một bộ phận doanh nghiệp kinh doanh vận tải, lữ hành, người dân chưa có thói quen thực hiện thủ tục biên phòng điện tử, do vậy, ảnh hưởng đến kết quả triển khai thực hiện Quyết định¹¹.

Thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các hoạt động lưu thông cửa khẩu nhằm thúc đẩy giao thương, phát triển kinh tế - xã hội địa phương biên giới cũng như cả nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, triển khai xây dựng mô hình quản lý cửa khẩu mới, tiên tiến, hiện đại như “cửa khẩu thông minh”, “cửa khẩu số” theo hướng kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin từ các nền tảng dữ liệu quốc gia khác (cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, xuất nhập cảnh...);

Bên cạnh đó, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành chức năng tăng cường đầu tư trang bị phương tiện hiện đại, kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, kiểm soát cửa khẩu (như triển khai hệ thống Cổng kiểm soát tự động được tích hợp công nghệ nhận dạng sinh trắc học, tự động hóa các bước trong quy trình thủ tục kiểm soát xuất nhập cảnh)... Vì vậy, cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về thủ tục biên phòng điện tử tại Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg đảm bảo thống nhất, thuận lợi trong việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, đáp ứng

¹¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP: Tài khoản được tạo lập bởi Công dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh cấp cho cá nhân được sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. Đối với việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử theo quy định tại Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg, đến nay chưa cấp tài khoản cá nhân (cho người người làm thủ tục đối với công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh) vì chưa có đối tượng cá nhân đăng ký cấp tài khoản.

yêu cầu công tác quản lý, xây dựng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trong tình hình mới hiện nay.

Từ căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, để thống nhất với văn bản pháp luật mới ban hành và đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tạo thuận lợi hơn nữa cho các đối tượng tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử của cửa khẩu biên giới đất liền, việc xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg là hết sức cần thiết.

- Mục đích ban hành: Hoàn thiện cơ sở pháp lý về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kiểm soát xuất nhập cảnh của Bộ đội Biên phòng, tạo thuận lợi cho người, phương tiện xuất nhập cảnh, thúc đẩy giao thương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương biên giới.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 Điều sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, cụ thể như sau:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý;

- Điều 2: Bổ sung và bãi bỏ một số Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý;

- Điều 3: Điều khoản thi hành.

Nội dung cơ bản của Quyết định

- Điều 1 gồm 07 khoản:

+ Khoản 1: Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg:

Bổ sung quy định người làm thủ tục được sử dụng tài khoản định danh điện tử để khai báo hồ sơ biên phòng điện tử và nhận xác nhận hoàn thành khai báo

thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền tại bất kỳ nơi nào có thể truy cập Internet.

+ Khoản 2: Sửa đổi Điều 7 Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg:

Điều chỉnh quy định cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho người làm thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền thành quy định sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

Đồng thời, quy định quy trình sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

+ Khoản 3: Sửa đổi Điều 8 Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg:

Điều chỉnh quy định hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử của người làm thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền thành quy định tạm dừng sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

+ Khoản 4: Sửa đổi khoản 2 Điều 12 Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg:

Bỏ quy định về việc cấp, hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử của người làm thủ tục cho tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng.

+ Khoản 5: Sửa đổi khoản 2 Điều 15 Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg:

Bỏ quy định về việc cấp, hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử của người làm thủ tục đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu biên giới đất liền và cửa khẩu cảng.

+ Khoản 6: Sửa đổi khoản 2 và điểm b khoản 8 Điều 18 Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg:

(i) Sửa đổi khoản 2 Điều 18: Bổ sung trách nhiệm của Bộ Quốc phòng: Phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai, thực hiện sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện

tử; chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền thông báo việc hoàn thành kết nối, tích hợp tài khoản định danh điện tử trên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

(ii) Sửa đổi điểm b khoản 8 Điều 18: Bỏ quy định Bộ Quốc phòng chỉ đạo Bộ đội Biên phòng cung cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

+ Khoản 7: Sửa đổi Điều 19 Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg:

Bổ sung quy định trách nhiệm của các Bộ: Công an, Tài chính và các bộ, ngành có liên quan trong triển khai, thực hiện sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Điều 2: Bãi bỏ một số Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg, gồm:

+ Đơn đề nghị cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho người làm thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

+ Đơn đăng ký tài khoản đã có để truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho người làm thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

+ Đơn đăng ký cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền của công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh.

+ Thông báo về việc cấp/sử dụng tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho người làm thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

+ Thông báo về việc từ chối cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho người làm thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

+ Đơn đề nghị hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho người làm thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

+ Thông báo về việc hủy tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho người làm thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

- Điều 3: Điều khoản thi hành, gồm 02 khoản:

+ Khoản 1: Quy định về thời điểm có hiệu lực của Quyết định.

+ Khoản 2: Quy định thời hạn sử dụng tài khoản được tạo lập bởi Công thông tin thủ tục biên phòng điện tử thực hiện theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

Quyết định quy định thay thế việc cấp tài khoản đăng nhập Công thông tin thủ tục biên phòng điện tử bằng sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Công thông tin thủ tục biên phòng điện tử và bãi bỏ 07 mẫu Đơn đề nghị, Thông báo tại Phụ lục Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg.

Như vậy, việc bỏ các quy định về thực hiện cấp, huỷ tài khoản truy cập Công thông tin thủ tục biên phòng điện tử và các biểu mẫu đơn, mẫu thông báo có liên quan tại Phụ lục Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg sẽ giúp giảm thời gian, chi phí, tạo thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong quá trình tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

14. Quyết định số 04/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

Quyết định này thay thế Quyết định số 35/2016/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Hội đồng Cạnh tranh và người tiến hành, người tham gia tố tụng cạnh tranh.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (Nghị định số 03/2023/NĐ-CP) đã quy định: “*Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng được hưởng chế độ bồi dưỡng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*”.

Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 63/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên

trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, trong quá trình thẩm định hồ sơ thông báo tập trung kinh tế, trong quá trình điều tra các vụ việc cạnh tranh và trong tố tụng cạnh tranh (Thông tư số 63/2021/TT-BTC) quy định chi tố tụng cạnh tranh cho các thành viên Ủy ban Cạnh tranh và người tiến hành, người tham gia tố tụng cạnh tranh thực hiện theo Quyết định số 35/2016/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Hội đồng Cạnh tranh và người tiến hành, người tham gia tố tụng cạnh tranh (Quyết định số 35/2016/QĐ-TTg).

Quyết định số 35/2016/QĐ-TTg được xây dựng theo quy định của Luật Cạnh tranh năm 2004 và Nghị định số 07/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Hội đồng Cạnh tranh. Hiện nay, hai văn bản này đã được thay thế bởi Luật Cạnh tranh năm 2018 và Nghị định số 03/2023/NĐ-CP.

Căn cứ khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), khoản 2 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thực thi quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 03/2023/NĐ-CP và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 63/2021/TT-BTC, việc ban hành quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng thay thế Quyết định số 35/2016/QĐ-TTg là cần thiết nhằm đảm bảo tính thống nhất và đầy đủ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Mục đích ban hành:

+ Đảm bảo cụ thể hóa và thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 03/2023/NĐ-CP; kế thừa các nội dung còn phù hợp của Quyết định số 35/2016/QĐ-TTg và cập nhật các quy định cho phù hợp với thực tiễn thay đổi của các chế độ chính sách liên quan.

+ Đảm bảo tính thống nhất, nhất quán của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định số 04/2025/QĐ-TTg gồm 08 Điều quy định về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

+ Phạm vi điều chỉnh: Quyết định quy định về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng.

+ Đối tượng áp dụng: Quyết định áp dụng đối với thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Điều 2. Chế độ bồi dưỡng đặc thù

Xuất phát từ tính đặc thù trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, chế độ bồi dưỡng đặc thù đối với thành viên Hội đồng Cạnh tranh (nay là thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia) đã được quy định tại Điều 2 Quyết định số 35/2016/QĐ-TTg.

Trên cơ sở kế thừa quy định về chế độ bồi dưỡng đặc thù tại Quyết định số 35/2016/QĐ-TTg và căn cứ mức điều chỉnh theo hệ số tăng của lương cơ sở năm 2024, Quyết định số 04/2025/QĐ-TTg quy định thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia được bồi dưỡng 2.340.000 đồng/người/tháng.

- Điều 3. Chế độ bồi dưỡng tại phiên điều trần

+ Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh được bồi dưỡng 150.000 đồng/ngày.

+ Người tiến hành tố tụng cạnh tranh bao gồm thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, điều tra viên vụ việc cạnh tranh tham gia phiên điều trần, thư ký phiên điều trần được bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày.

+ Người giám định được Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh mời được bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày.

+ Người phiên dịch được Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh mời đến phiên dịch tại phiên điều trần được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định về chi phí dịch thuật trong chế độ chi tiếp đón khách nước ngoài và chi tiêu tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

+ Người làm chứng được Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh triệu tập đến phiên điều trần được bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày.

- Điều 4. Chế độ bồi dưỡng trong quá trình điều tra vụ việc cạnh tranh

+ Điều tra viên vụ việc cạnh tranh được bồi dưỡng 80.000 đồng/người/ngày trong thời gian được phân công điều tra vụ việc cạnh tranh.

+ Người phiên dịch được Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh triệu tập, mời tham gia buổi làm việc trong quá trình điều tra vụ việc cạnh tranh được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định về chi phí dịch thuật trong chế độ chi tiếp đón khách nước ngoài và chi tiêu tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

+ Người giám định, người làm chứng được Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh triệu tập, mời tham gia buổi làm việc trong quá trình điều tra vụ việc cạnh tranh được bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày.

- Điều 5. Chế độ bồi dưỡng tham gia tọa đàm, họp xử lý vụ việc cạnh tranh, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

+ Chủ tịch Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh được bồi dưỡng 150.000 đồng/ngày.

+ Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, thành viên Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày.

- Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí để chi trả chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh, người giám định, người phiên dịch, người làm chứng do ngân sách nhà nước đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Điều 7. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 04/2025/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2025. Quyết định này thay thế Quyết định số 35/2016/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với thành viên Hội đồng Cạnh tranh và người tiến hành, người tham gia tố tụng cạnh tranh.

- Điều 8. Trách nhiệm thi hành: Quyết định số 04/2025/QĐ-TTg quy định các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, các thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

15. Quyết định số 05/2025/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2025.

Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia (cũ) được bãi bỏ tại Quyết định số 503/QĐ-TTg ngày 04/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý

+ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023.

+ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

+ Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

+ Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Y khoa Quốc gia.

Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 956/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc thành lập Hội đồng Y khoa Quốc gia và Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia. Tại thời điểm Quyết định số 956/QĐ-TTg và 495/QĐ-TTg được ban hành, Hội đồng Y khoa Quốc gia chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật; sau 04 năm thành lập, Hội đồng chỉ triển khai được rất ít hoạt động.

Sau khi Luật Khám bệnh, chữa bệnh được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 09 tháng 01 năm 2023, chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Y khoa Quốc gia đã có nhiều thay đổi so với quy định tại Quyết định số 956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Điều này đã đặt ra yêu cầu thành lập Hội đồng Y khoa Quốc gia phù hợp với quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, ngày 13 tháng 8 năm 2024, Thủ tướng

Chính phủ đã ban hành Quyết định số 827/QĐ-TTg về việc thành lập Hội đồng Y khoa Quốc gia, với cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành. Tại Quyết định số 827/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ đối với Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia và Bộ trưởng Bộ Y tế như sau: “Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia, báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành”.

Sự thành lập của Hội đồng Y khoa Quốc gia tại Quyết định số 827/QĐ-TTg đã đặt ra yêu cầu khẩn trương xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia, tạo cơ sở pháp lý cho Hội đồng tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ tổ chức đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo đúng tiến độ quy định tại Điều 120 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Mục đích ban hành: Tiếp tục cụ thể hóa chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về y tế nói chung và Hội đồng Y khoa Quốc gia nói riêng và xây dựng cơ sở pháp lý và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng Y khoa Quốc gia hoạt động theo đúng quy định, nâng cao chất lượng người hành nghề trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh và bảo đảm hội nhập với quốc tế.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia, cụ thể như sau:

- Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia.

- Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2025.

- Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng Y khoa Quốc gia (sau đây gọi là Quy chế) bao gồm 03 chương, 10 Điều:

- Điều 1, Điều 2 quy định về vị trí pháp lý, tên gọi và địa chỉ giao dịch của Hội đồng Y khoa Quốc gia: Hội đồng Y khoa Quốc gia là tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập có chức năng đánh giá độc lập năng lực hành nghề khám

bệnh, chữa bệnh, có con dấu, tài khoản riêng. Hội đồng Y khoa Quốc gia có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

- Điều 3 quy định về cơ cấu tổ chức của Hội đồng Y khoa Quốc gia, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Y tế kiêm nhiệm.

+ Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: 01 Phó Chủ tịch Thường trực hoạt động chuyên trách, 01 Phó Chủ tịch là Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế kiêm nhiệm và 01 Phó Chủ tịch là Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo thuộc Bộ Y tế kiêm nhiệm.

Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế. Nhiệm kỳ của Phó Chủ tịch Thường trực hoạt động chuyên trách là 05 năm và có thể bổ nhiệm lại, nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

+ Ủy viên Hội đồng bao gồm: đại diện các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đại diện các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe; đại diện hội (hiệp hội) nghề nghiệp và chuyên gia ngành y tế; đại diện cơ quan quản lý nhà nước; trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng. Số lượng Ủy viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia quyết định dựa trên nhu cầu thực tế của Hội đồng.

Ủy viên Hội đồng Y khoa Quốc gia do Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia bổ nhiệm, miễn nhiệm và làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Nhiệm kỳ của Ủy viên Hội đồng là 05 năm và có thể bổ nhiệm lại.

+ Các Ban chuyên môn của Hội đồng, bao gồm: Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Ban Tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Ban Pháp chế.

+ Văn phòng Hội đồng Y khoa Quốc gia: Văn phòng Hội đồng Y khoa Quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập theo quy định của pháp luật. Văn phòng Hội đồng Y khoa Quốc gia là cơ quan giúp việc của Hội đồng và các Ban chuyên môn của Hội đồng;

- Điều 4 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng, các Ban chuyên môn của Hội đồng Y khoa Quốc gia.

- Điều 5 quy định về 03 nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia.

- Điều 6 quy định về mối quan hệ công tác của Hội đồng Y khoa Quốc gia với: Bộ Y tế; các cơ sở giáo dục khối ngành sức khỏe, cơ sở khám bệnh, chữa

bệnh, các hội nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế; các tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài ngành y tế.

- Điều 7, Điều 8 quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bổ sung, thay thế Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng Y khoa Quốc gia.

- Điều 9, Điều 10 quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm; quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và thành viên Ban chuyên môn của Hội đồng Y khoa Quốc gia.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 02 năm 2025, Bộ Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Báo Điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (TT).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Đỗ Xuân Quý